

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000491298 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 30/01/2002, thay đổi lần thứ 13 ngày 10/10/2024)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 553/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 12 năm 2025.)

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Điện thoại: (84-238) 384 4741 Fax: (84-238) 384 8720

Website: <https://dnapharma.com.vn/>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

Địa chỉ: Tầng 4, 5, 6 và 7 số 3 Đặng Thái Thân, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 6275 8668 Fax: (84-24) 6275 3816

Website: <http://www.aseansc.com.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Đình Thành

Chức vụ: Phó phòng Hành chính nhân sự

Số điện thoại: (84-238) 384 4741

Nghệ An, tháng 12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900491298 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 30/01/2002, thay đổi lần thứ 13 ngày 10/10/2024)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Nghệ An

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 9.000.000 cổ phiếu (Bằng chữ: Chín triệu cổ phiếu)

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 90.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi tỷ đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

➤ **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2024:**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 6 Nguyễn Công Hoan, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3761.3399 Fax: (84-24) 3761.5599

➤ **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2023:**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC MOORE AISC

Địa chỉ: 389A Điện Biên Phủ, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (84-28) 3832 9129 Fax: (84-28) 3834 2957

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

Địa chỉ : Tầng 4, 5, 6 và 7 số 3 Đặng Thái Thân, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội

Điện thoại : (84-24) 6275 8668 Fax: (84-24) 6275 3816

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	7
1. Tổ chức phát hành	7
2. Tổ chức tư vấn và Bảo lãnh phát hành	7
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	8
1. Rủi ro về kinh tế	8
2. Rủi ro về luật pháp	9
3. Rủi ro đặc thù (ngành, lĩnh vực hoạt động)	10
4. Rủi ro về đợt chào bán	13
5. Rủi ro pha loãng	13
6. Rủi ro quản trị công ty	16
7. Rủi ro khác	16
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT	18
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	20
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành	20
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành	21
3. Cơ cấu tổ chức Công ty	22
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty	22
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối: Không có	26
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	26
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác: Không có	29
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	29
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	29
10. Hoạt động kinh doanh	30
11. Chính sách đối với người lao động	64
12. Chính sách cổ tức	67

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	67
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	67
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	67
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.	68
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	68
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	68
2. Tình hình tài chính.....	73
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty	82
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	83
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG ..	87
1. Thông tin về cổ đông sáng lập.....	87
2. Thông tin về cổ đông lớn.....	87
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng	90
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	102
1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông	102
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu	102
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 9.000.000 cổ phiếu (<i>Bằng chữ: Chín triệu cổ phiếu</i>).....	102
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 90.000.000.000 đồng (<i>Bằng chữ: Chín mươi tỷ đồng</i>).....	102
5. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu	102
6. Phương pháp tính giá.....	102
7. Phương thức phân phối.....	102
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	104
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	104

10. Phương thức thực hiện quyền (trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi)	106
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	106
12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	106
13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của tổ chức phát hành.....	106
14. Hủy bỏ đợt chào bán.....	107
15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	107
16. Các loại thuế có liên quan	107
17. Thông tin về các cam kết.....	109
18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt.....	109
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	110
1. Mục đích chào bán	110
2. Phương án khả thi.....	110
IX. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	117
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	119
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	120
XII. PHỤ LỤC	120

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty	22
Hình 2: Cơ cấu bộ máy của Công ty	22
Hình 3: Một số hình ảnh về sản phẩm của Công ty	30
Hình 4: Quy trình sản xuất sản phẩm thuốc tân dược dạng viên nén, nang, cốm bột.....	36
Hình 5: Quy mô của các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm năm 2024	55
Hình 6: Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm năm 2024.....	56

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Mức độ pha loãng EPS và BVPS.....	14
Bảng 2: Quá trình tăng vốn điều lệ.....	27
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại ngày 04/04/2025	29
Bảng 4: Một số Sản phẩm Dược phẩm của Công Ty	31
Bảng 5: Sản lượng sản xuất giai đoạn 2023 – 9T/2025.....	37
Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm	39
Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm	39
Bảng 8: Giá trị tài sản cố định tại ngày 30/09/2025	40
Bảng 9: Giá trị tài sản lớn.....	41
Bảng 10: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	42
Bảng 11: Cơ cấu doanh thu thuần theo thị trường hoạt động.....	42
Bảng 12: Danh mục hợp đồng lớn đã ký kết và đang triển khai của Công ty	45
Bảng 13: Các khách hàng lớn của Công ty	49
Bảng 14: Các nhà cung cấp lớn của Công ty.....	50
Bảng 15: Danh sách nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp Công ty đã được cấp bằng bảo hộ	59
Bảng 16: Danh sách nhân sự phòng nghiên cứu phát triển tại thời điểm 30/09/2025.....	60
Bảng 17: Số lượng và cơ cấu người lao động tại thời điểm 31/12/2024 và 30/09/2025.....	64
Bảng 18: Bảng số lượng và thu nhập người lao động trong Công ty trong năm 2023-2024	65
Bảng 19: Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	68

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN



Bảng 20: Vốn chủ sở hữu.....	73
Bảng 21: Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu năm 2023, 2024 và 9T/2025	74
Bảng 22: Bảng trích khấu hao	75
Bảng 23: Tình hình các khoản phải thu.....	75
Bảng 24: Nợ xấu.....	77
Bảng 25: Tình hình các khoản phải trả.....	79
Bảng 26: Tình hình vay nợ.....	80
Bảng 27: Thuế và các khoản thu, phải nộp Nhà nước.....	80
Bảng 28: Trích lập các quỹ theo luật định trong năm	81
Bảng 29: Một số Chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty.....	81
Bảng 30: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025	83
Bảng 31: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 04/04/2025	87
Bảng 32: Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Cổ đông lớn	88
Bảng 33. Thời gian dự kiến của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	105
Bảng 34. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán	117

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Ông Nguyễn Văn Thắng	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trần Công Vinh	Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Công ty
Ông Nguyễn Phi Hào	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, Chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn và Bảo lãnh phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

Bà Lê Thị Thanh Bình	Chức vụ Tổng Giám đốc
----------------------	-----------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 38/2025/HĐTV/NTF – Asean Securities ngày 27/06/2025 và Hợp đồng Bảo lãnh phát hành cổ phiếu số 48/2025/HĐTV/NTF – Asean Securities ngày 25/11/2025 với Công ty Cổ phần Dược – Vật tư y tế Nghệ An. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Dược – Vật tư y tế Nghệ An cung cấp.

(Phần còn lại của trang này được để trống)

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về kinh tế là loại rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, ... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và lĩnh vực hoạt động của Công ty nói riêng. Vì vậy, việc phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ làm rõ mức độ tác động của loại rủi ro này cũng như đưa ra được các biện pháp hạn chế, khắc phục mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2024 đạt mức tăng 7,09%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%.

Năm 2025, GDP quý II/2025 tăng 7,96% so với cùng kỳ năm trước. GDP 6 tháng tăng 7,52% so với cùng kỳ năm trước, là mức cao nhất cùng kỳ trong giai đoạn 2011-2025. Các tổ chức quốc tế dự báo tốc độ tăng trưởng GDP cả năm 2025 của Việt Nam ở mức 5,4–6,3% (IMF dự báo 5,4%, World Bank dự báo 5,8%, ADB dự báo 6,3%).

1.2. Lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Trong những năm gần đây, Chính phủ đã triển khai quyết liệt các biện pháp kiềm chế lạm phát và ổn định vĩ mô, nhờ đó mà từ năm 2015 trở lại đây, lạm phát duy trì ở mức thấp. CPI bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023, mức phù hợp với mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2024 tăng 2,71% so với năm 2023.

Trong năm 2025, CPI tiếp tục được kiểm soát:

- Quý I/2025, CPI tăng 3,22% so với cùng kỳ năm 2024; lạm phát cơ bản tăng 3,01%.
- Quý II/2025, CPI tăng 3,31% so với cùng kỳ năm 2024; lạm phát cơ bản tăng 3,46%.
- Tháng 6/2025, CPI tăng 0,48% so với tháng trước, 3,27% so với cùng kỳ năm ngoái; lạm phát cơ bản 6 tháng đầu năm tăng 3,16%.

Tuy nhiên, theo ý kiến của các chuyên gia, rủi ro lạm phát toàn cầu vẫn ở mức cao, có thể gián tiếp ảnh hưởng đến nước ta. Giá nguyên, nhiên, vật liệu nhập khẩu như xăng dầu, gas và thép đang neo ở mức cao, dẫn đến nguy cơ gia tăng “nhập khẩu lạm phát” tại Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh của Công ty luôn chịu tác động trực tiếp và gián tiếp từ những thay đổi trong mặt bằng giá. Sự biến động của lạm phát sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả nguyên vật liệu đầu vào cũng như các kế hoạch đầu tư, kinh doanh của Công ty. Công ty luôn chủ động trong việc ký kết các hợp đồng cung cấp nguyên liệu, đa dạng hóa nhà cung cấp và dự trữ nguyên vật liệu tồn kho phù hợp.

1.3. Rủi ro về lãi suất

Đối với một doanh nghiệp sản xuất thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao, ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận và mức độ rủi ro về lãi suất giữa các doanh nghiệp khác nhau tùy vào cơ cấu nợ vay. Sự biến động của lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến các chi phí lãi vay hàng năm của Doanh nghiệp.

Từ năm 2020 đến nay, NHNN tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần. Năm 2025, lãi suất tái cấp vốn được giữ ở mức 4,5%/năm, lãi suất tái chiết khấu là 3,0%/năm, và lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán liên ngân hàng ở mức 5,0%/năm. NHNN đang cân nhắc có thể giảm lãi suất tái cấp vốn xuống 4,0% nếu điều kiện thuận lợi.

Hiện nay, lãi suất huy động VND phổ biến như sau:

- Tiền gửi không kỳ hạn (và dưới 1 tháng): 0,1% – 0,2%/năm.
- Kỳ hạn 1–6 tháng: khoảng 4,0% – 4,5%/năm với mức trần NHNN là 4,75%/năm cho kỳ hạn dưới 6 tháng
- Kỳ hạn 6–12 tháng: khoảng 4,9% – 5,6%/năm, trong đó một số ngân hàng thương mại tư nhân niêm yết từ 5,5% – 5,95%/năm
- Kỳ hạn 12–36 tháng: 5,6% – 6,2%/năm.

Để giảm thiểu rủi ro từ biến động lãi suất, Công ty luôn chủ động theo dõi diễn biến lãi suất thị trường để đưa ra quyết định đúng đắn và kịp thời.

2. Rủi ro về luật pháp

Ngành Dược là một trong những ngành chịu nhiều tác động bởi sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước. Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản pháp lý điều chỉnh hoạt động ngành Dược, bao gồm các chính sách về quản lý giá thuốc, điều kiện kinh doanh, danh mục thuốc phải kiểm soát đặc biệt, tiêu chuẩn chất lượng, kiểm nghiệm thuốc... Tiêu biểu có Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017; Luật số 44/2024/QH15 ngày 21/11/2024 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Dược và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Với những quy định ngày càng nghiêm ngặt trong công tác đấu thầu và cung ứng thuốc, Công ty sẽ tiếp tục đổi mới với những thách thức trong hoạt động bán hàng qua kênh điều trị. Tuy nhiên, để giảm thiểu các rủi ro, Công ty luôn chủ động cải thiện năng lực nội tại, cập nhật và áp dụng các tiêu chuẩn mới theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo điều kiện kinh doanh và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

Bên cạnh đó, với mô hình hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và là công ty đại chúng giao dịch trên sàn Upcom, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, cùng các văn bản dưới luật và các luật chuyên ngành khác. Trong những năm gần đây, nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập sâu rộng và thực thi các hiệp định thương mại tự do, hệ thống pháp luật đã liên tục được hoàn thiện và ban hành mới, tiêu biểu như:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021; Luật số 56/2024/QH15 ban hành ngày 29/11/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán 2019.
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 thông qua ngày 17/6/2025;
- Luật chuyên ngành liên quan như: Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế. Một số nội dung liên quan đến đầu tư, đăng ký kinh doanh và đấu thầu cũng đã được điều chỉnh trong các văn bản như Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (có hiệu lực từ 01/01/2024) và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15.

Việc hệ thống pháp luật đang trong quá trình hoàn thiện với nhiều sửa đổi, bổ sung có thể tạo ra sự thay đổi về quy trình và thủ tục pháp lý, dẫn đến những khó khăn nhất định cho doanh nghiệp trong giai đoạn chuyển tiếp.

Để hạn chế rủi ro phát sinh liên quan đến pháp luật trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chủ động tìm hiểu, cập nhật kịp thời các quy định pháp luật mới nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định, đồng thời nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong hoạt động sản xuất – kinh doanh, đồng thời Công ty luôn tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định đối với công ty đại chúng.

3. Rủi ro đặc thù (ngành, lĩnh vực hoạt động)

3.1. Rủi ro biến động giá nguyên liệu

Đối với mặt hàng dược phẩm, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm khoảng 75–80% tổng chi phí sản xuất và khoảng 55–60% doanh thu. Do đó, sự biến động của giá nguyên vật liệu có ảnh hưởng rất lớn đến biên lợi nhuận của Công ty, đặc biệt trong bối cảnh giá bán thuốc bị quản lý chặt chẽ bởi Cục Quản lý Dược Việt Nam.

Hiện nay, công nghệ sản xuất hóa dược trong nước vẫn còn hạn chế, khiến phần lớn nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất thuốc phải phụ thuộc vào nhập khẩu, đặc biệt từ các quốc gia như Trung Quốc và Ấn Độ – hai thị trường cung ứng chính. Trong bối cảnh gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, xung đột thương mại và chi phí logistics tăng cao giai đoạn 2022–2024, Công ty cũng gặp không ít thách thức trong việc đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định và đúng tiến độ.

Bên cạnh đó, áp lực lạm phát toàn cầu và việc tăng tích trữ nguyên liệu của nhiều quốc gia sau dịch bệnh và khủng hoảng địa chính trị đã khiến giá nhiều loại nguyên liệu dược phẩm tăng cao liên tục trong các năm gần đây. Điều này tạo thêm áp lực lớn lên chi phí sản xuất của Công ty.

Nếu tình trạng tăng giá nguyên vật liệu tiếp tục kéo dài, thị trường sẽ buộc phải điều chỉnh giá bán sản phẩm ở nhiều phân khúc, khi đó Công ty có thể cân nhắc điều chỉnh giá bán hợp lý để bảo vệ biên lợi nhuận. Ngoài ra, để giảm thiểu rủi ro chi phí nguyên liệu, Công ty đã thiết lập và duy trì mối

quan hệ dài hạn với các nhà cung cấp chiến lược, đồng thời tăng cường công tác dự báo thị trường và kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu để đảm bảo sản xuất ổn định trong bối cảnh giá cả biến động khó lường.

3.2. *Rủi ro tỷ giá hối đoái*

Nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất của Công ty phần lớn được nhập khẩu từ các thị trường như Trung Quốc, Ấn Độ và châu Âu, do đó giá cả nguyên vật liệu có thể bị ảnh hưởng đáng kể bởi biến động tỷ giá hối đoái, đặc biệt là tỷ giá USD/VND.

Để giảm thiểu rủi ro từ biến động tỷ giá, Công ty đã chủ động thực hiện dự báo xu hướng tỷ giá và giá nguyên liệu đầu vào, qua đó xây dựng kế hoạch nhập khẩu tại các thời điểm phù hợp. Trong những năm gần đây, chính sách điều hành tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo hướng linh hoạt, có kiểm soát đã giúp tỷ giá USD/VND duy trì mức biến động tương đối ổn định trong biên độ khoảng $\pm 2-3\%$ /năm.

Nhờ đó, hoạt động xuất nhập khẩu nguyên liệu của Công ty chưa chịu tác động lớn từ rủi ro tỷ giá trong ngắn hạn. Tuy nhiên, Công ty vẫn tiếp tục duy trì các biện pháp kiểm soát rủi ro như: đàm phán điều kiện thanh toán phù hợp với nhà cung cấp, phân bổ thời điểm thanh toán ngoại tệ hợp lý và theo dõi sát diễn biến thị trường tài chính quốc tế nhằm đảm bảo tính chủ động trong hoạt động nhập khẩu.

3.3. *Rủi ro ngành*

Thuốc là loại hàng hóa đặc biệt, có thời hạn sử dụng và liên quan trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng con người. Việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm thuốc đòi hỏi nhiều thời gian, chi phí đầu tư và kiểm nghiệm nghiêm ngặt. Bên cạnh đó, nguyên liệu và thành phẩm đều có hạn dùng, nên nếu không được luân chuyển đúng kế hoạch sẽ phát sinh thêm chi phí bảo quản, kiểm nghiệm lại, thậm chí tiêu hủy – gây tổn thất không nhỏ cho doanh nghiệp.

Do vậy, Công ty luôn chú trọng xây dựng kế hoạch tiêu thụ, phân phối và luân chuyển hàng hóa hợp lý, đảm bảo sản phẩm được đưa ra thị trường đúng thời điểm, giảm thiểu rủi ro tồn kho và hao hụt giá trị kinh tế.

Trong bối cảnh hiện nay, sự gia nhập thị trường của nhiều doanh nghiệp dược mới, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đang làm gia tăng áp lực cạnh tranh trên thị trường nội địa. Việc Việt Nam gia nhập WTO và ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt là EVFTA, CPTPP, đã dỡ bỏ phần lớn các hàng rào thuế quan và phi thuế quan, tạo điều kiện thuận lợi cho các tập đoàn dược phẩm đa quốc gia tiếp cận sâu hơn vào thị trường Việt Nam.

Trước những thách thức này, Công ty đã chủ động tăng cường đầu tư vào khoa học công nghệ, nâng cao năng lực R&D, phát triển các sản phẩm đặc thù, có hàm lượng chất xám cao, đồng thời không ngừng cải tiến để đảm bảo chất lượng ổn định, giá thành cạnh tranh. Song song đó, Công ty tiếp tục mở rộng hệ thống phân phối và tối ưu kênh bán hàng, nhằm nâng cao độ phủ thị trường và đáp ứng kịp thời nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

3.4. *Rủi ro cạnh tranh*

Việc thực thi các Hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt là các hiệp định thế hệ mới như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA), và RCEP, cùng với tiến trình hội nhập khu vực trong khuôn khổ Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), đang mở ra cơ hội tiếp cận thị trường rộng lớn hơn cho ngành Dược Việt Nam. Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra nhiều thách thức khi rào cản thuế quan được dỡ bỏ, thu hút các tập đoàn dược phẩm nước ngoài với tiềm lực mạnh về vốn, công nghệ và hệ thống phân phối tham gia sâu vào thị trường nội địa.

Cạnh tranh trong ngành dược đang ngày càng gia tăng cả về giá cả, chất lượng sản phẩm lẫn độ phủ thị trường, nhất là khi nhiều doanh nghiệp lớn trong nước như Dược Hậu Giang, Traphaco, Imexpharm... đang đẩy mạnh mở rộng quy mô, đầu tư chiều sâu, đa dạng hóa sản phẩm nhằm củng cố và gia tăng thị phần trong nước và từng bước vươn ra thị trường quốc tế.

Mặc dù hiện nay hệ thống phân phối của Công ty đã phủ rộng khắp các tỉnh thành trên cả nước, nhưng áp lực cạnh tranh trong thời gian tới dự kiến sẽ tiếp tục gia tăng, đặc biệt ở các phân khúc sản phẩm phổ biến và nhóm thuốc đầu thầu tập trung.

Trước tình hình đó, Công ty xác định tiếp tục chiến lược:

- Đa dạng hóa và chuyên nghiệp hóa các kênh phân phối;
- Tăng cường phát triển thương hiệu và nhận diện thị trường;
- Đầu tư vào đội ngũ nghiên cứu – phát triển sản phẩm, ứng dụng công nghệ sản xuất tiên tiến;
- Đồng thời nâng cao năng lực của đội ngũ kinh doanh trong triển khai các sản phẩm chiến lược.

Thông qua các biện pháp trên, Công ty đặt mục tiêu duy trì và mở rộng thị phần, nâng cao năng lực cạnh tranh và giữ vững vị thế trong ngành Dược trong giai đoạn hội nhập sâu rộng hiện nay.

3.5. *Rủi ro hàng giả, hàng nhái*

Mặc dù Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách và biện pháp nhằm tăng cường bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và nhãn hiệu hàng hóa trong nước, tuy nhiên tình trạng hàng giả, hàng nhái, hàng nhập lậu trên thị trường vẫn diễn biến phức tạp và ngày càng tinh vi hơn, đặc biệt trong lĩnh vực thuốc tân dược – vốn liên quan trực tiếp đến sức khỏe và tính mạng của người tiêu dùng.

Theo thống kê mới nhất từ Cục Sở hữu trí tuệ và Tổng cục Quản lý thị trường, mỗi năm ghi nhận hơn 3.000 vụ việc vi phạm quyền sở hữu công nghiệp, trong đó phần lớn liên quan đến xâm phạm nhãn hiệu và hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Ngoài ra, các hành vi lợi dụng nhãn hiệu đã được đăng ký của doanh nghiệp uy tín để sản xuất thuốc giả, bao bì giả cũng có xu hướng gia tăng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến thương hiệu và niềm tin của người tiêu dùng.

Trước thực trạng trên, bên cạnh những nỗ lực của Công ty trong việc tự bảo vệ nhãn hiệu, tăng cường truy vết, kiểm soát hệ thống phân phối và phối hợp xử lý vi phạm, thì vai trò của các cơ quan quản lý Nhà nước là vô cùng quan trọng. Việc tăng cường kiểm tra hậu kiểm, xử lý nghiêm minh các

trường hợp vi phạm, đặc biệt ở các kênh phân phối trực tuyến và chợ đầu mối, là điều kiện tiên quyết để tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bảo vệ doanh nghiệp làm ăn chân chính.

Công ty đề xuất các cơ quan chuyên ngành, từ Bộ Y tế, Cục Quản lý Dược, Cục Quản lý Thị trường đến chính quyền địa phương, cần phối hợp chặt chẽ hơn với doanh nghiệp để ngăn chặn từ gốc hiện tượng thuốc giả, thuốc nhái, góp phần đảm bảo sức khỏe cộng đồng và thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành Dược Việt Nam.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1. Rủi ro của việc chào bán cổ phiếu

Quá trình tổ chức chào bán cổ phiếu ra công chúng, cũng như giai đoạn sau chào bán, luôn tiềm ẩn những rủi ro nhất định. Trong đó, rủi ro phổ biến bao gồm: khối lượng chứng khoán chào bán không đạt kỳ vọng, hoặc không huy động đủ nguồn vốn như dự kiến, ảnh hưởng đến khả năng triển khai các kế hoạch đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, việc phát hành thêm cổ phiếu làm tăng số lượng cổ phiếu lưu hành, trong khi lợi nhuận sau thuế có thể chưa tăng tương ứng trong ngắn hạn, dẫn đến rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) – ảnh hưởng nhất định đến định giá thị trường và kỳ vọng của nhà đầu tư.

4.2. Rủi ro của việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Công ty dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán để phục vụ cho các hoạt động xây dựng Dự án Nhà máy sản xuất Dược phẩm Nghệ An tại Khu công nghiệp Bắc Vinh và bổ sung vốn lưu động.

Công ty cam kết sẽ thực hiện đúng với các mục đích sử dụng vốn và trong trường hợp cần phải thay đổi phương án sử dụng vốn Công ty sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua theo quy định.

5. Rủi ro pha loãng

Việc phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:

- (i) Pha loãng Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS)
- (ii) Pha loãng Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS)
- (iii) Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết
- (iv) Pha loãng giá giao dịch cổ phiếu

➤ Về pha loãng Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS)

Công thức tính:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ làm tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty dẫn tới sự pha loãng giá trị cổ phiếu.

Trong điều kiện doanh thu và lợi nhuận chưa tăng kịp so với tốc độ tăng trưởng của vốn điều lệ, thu nhập trên cổ phiếu sẽ bị giảm do lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cho số lượng cổ phiếu nhiều hơn.

➤ **Về pha loãng Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS)**

Công thức tính:

$$BVPS = \frac{\text{Giá trị vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần đang lưu hành sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2023, 2024 (theo BCTC đã được kiểm toán) và kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty và với giả định Công ty hoàn thành đợt phát hành, cổ phiếu được chuyển giao cho nhà đầu tư vào quý IV/2025, ảnh hưởng của việc chào bán cổ phiếu lên giá trị sổ sách và EPS được xác định như sau:

Bảng 1: Mức độ pha loãng EPS và BVPS

Giả định ngày 01/12/2025 là ngày hoàn tất đợt phát hành

Chỉ tiêu	Đơn vị	Công thức tính	Giá trị
Lợi nhuận sau thuế năm 2024	triệu đồng	(1)	2.346
Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2024	triệu đồng	(2)	88.399
Lợi nhuận sau thuế năm 2025 (dự kiến)	triệu đồng	(3)	10.250
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trước đợt phát hành	cổ phiếu	(4)	6.000.000
Vốn chủ sở hữu dự kiến năm 2025 (nếu không phát hành)	triệu đồng	(5)	98.649
Vốn chủ sở hữu dự kiến năm 2025 (sau phát hành, giả sử hoàn tất phát hành trong tháng 12/2025)	triệu đồng	(6)	188.649
Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	Cổ phiếu	(7)	9.000.000
Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến năm 2025 (nếu không phát hành)	Cổ phiếu	(8)	6.000.000
Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến năm 2025 (sau phát hành)	Cổ phiếu	(9)=(7)+(8)	15.000.000

Chỉ tiêu	Đơn vị	Công thức tính	Giá trị
Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân dự kiến năm 2025 (sau khi phát hành)	Cổ phiếu	$(10)=[(8)*11+(9)*1]/12$	6.750.000
Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2024	đồng/cổ phiếu	$(11)=(2)/(4)$	14.733
Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2025 dự kiến (nếu không phát hành)	đồng/cổ phiếu	$(12)=(5)/(4)$	16.442
Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2025 dự kiến (sau phát hành)	đồng/cổ phiếu	$(13)=(6)/(9)$	12.577
EPS năm 2024	đồng/cổ phiếu	$(14)=(1)/(4)$	391
EPS dự kiến năm 2025 (nếu không phát hành)	đồng/cổ phiếu	$(15)=(3)/(8)$	1.708
EPS dự kiến năm 2025 (sau phát hành)	đồng/cổ phiếu	$(16)=(3)/(10)$	1.519

Như vậy, do ảnh hưởng của việc phát hành thêm làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành tăng lên, EPS dự kiến năm 2025 có thể bị pha loãng từ 1.708 đồng/cổ phiếu xuống 1.519 đồng/cổ phiếu và giá trị sổ sách dự kiến tại 31/12/2025 sẽ bị pha loãng từ 16.442 đồng/cổ phiếu xuống còn 12.577 đồng/cổ phiếu.

➤ **Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết**

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông đang sở hữu).

➤ **Pha loãng giá giao dịch cổ phiếu**

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu, giá của cổ phiếu Công ty sẽ được thị trường điều chỉnh kỹ thuật theo công thức sau:

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = (PR_{(t-1)} + PR * a) / (1 + a)$$

Trong đó:

- + $PR_{(t-1)}$: Giá giao dịch của cổ phiếu Công ty tại ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền
- + PR : Giá phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu

+ a: Tỷ lệ vốn tăng (số lượng cổ phiếu chào bán/số lượng cổ phiếu đang lưu hành)

Ví dụ: Giá giao dịch của cổ phiếu NTF ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền là 20.000 đồng/cổ phiếu. Giá phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ chào bán cho cổ đông hiện hữu là 1: 1,5). Như vậy, giá thị trường điều chỉnh là:

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = (20.000 + 10.000 * 1,5) / (1 + 1,5) = 14.000 \text{ đồng/CP}$$

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro trong quản trị doanh nghiệp bao gồm toàn bộ các yếu tố có khả năng gây thiệt hại về mặt lợi ích kinh tế, hiệu quả hoạt động, hoặc uy tín thương hiệu của doanh nghiệp. Các rủi ro này có thể xuất phát từ nguyên nhân chủ quan (bên trong doanh nghiệp) hoặc nguyên nhân khách quan (bên ngoài doanh nghiệp), ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động như quản trị tài chính, nhân sự, sản xuất – kinh doanh và chiến lược phát triển.

- **Rủi ro chủ quan** chủ yếu phát sinh từ con người, bao gồm: sai sót trong ra quyết định của đội ngũ lãnh đạo, quản lý cấp trung, hoặc lỗi vận hành từ người lao động.
- **Rủi ro khách quan** bao gồm các yếu tố như: biến động đột ngột về pháp luật, chính sách, môi trường kinh doanh; rủi ro địa chính trị, thiên tai, dịch bệnh; hay các sự kiện bất khả kháng vượt ngoài khả năng kiểm soát của doanh nghiệp.

Để giảm thiểu các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình hoạt động, Công ty luôn duy trì cơ chế rà soát và cập nhật định kỳ hệ thống quy trình nội bộ, chính sách quản lý và thủ tục nghiệp vụ, nhằm đảm bảo mọi hoạt động của cấp quản lý đều đúng quy định và đem lại giá trị thực tiễn. Các cấp lãnh đạo cao nhất của Công ty thực hiện vai trò giám sát, kiểm tra và đánh giá thường xuyên đối với hoạt động của cấp quản lý bên dưới, đảm bảo sự tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và nội quy nội bộ.

Ban Lãnh đạo Công ty cũng chủ động ứng dụng công nghệ trong quản trị và cập nhật hệ thống pháp luật, tận dụng các nền tảng dữ liệu, tư vấn pháp lý và công cụ số hóa, từ đó hỗ trợ việc ra quyết định kịp thời, minh bạch và hiệu quả.

Cơ cấu quản trị, điều hành của Công ty được thiết lập và vận hành theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định chuyên ngành liên quan. Hệ thống quản trị cũng đảm bảo tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin, và được kiểm soát độc lập bởi Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Với đội ngũ lãnh đạo có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành Dược, Công ty có đủ năng lực để nhận diện, đánh giá và ứng phó linh hoạt với các rủi ro quản trị, góp phần đảm bảo hệ thống quản trị doanh nghiệp hoạt động ổn định, tuân thủ và hiệu quả.

7. Rủi ro khác

Giá cổ phiếu của Công ty, tương tự như các doanh nghiệp niêm yết, đăng ký giao dịch khác, khó

tránh khỏi sự biến động chung của thị trường chứng khoán trong nước và quốc tế, chịu tác động từ nhiều yếu tố như xu hướng kinh tế vĩ mô, chính sách điều hành của Nhà nước, dòng vốn đầu tư, lạm phát và tâm lý nhà đầu tư.

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng có thể bị ảnh hưởng bởi những rủi ro khách quan không thể kiểm soát, bao gồm:

- Thiên tai, dịch bệnh (như Covid-19, sốt xuất huyết, dịch cúm gia cầm...),
- Biến động chính trị – xã hội tại các thị trường xuất nhập khẩu lớn trên thế giới (Trung Quốc, Ấn Độ, châu Âu...),
- Rủi ro địa chính trị toàn cầu như xung đột vũ trang, chiến tranh kinh tế, bất ổn năng lượng hoặc vận tải quốc tế.

Nếu các rủi ro trên xảy ra, chúng có thể gây thiệt hại về nhân sự, tài sản, chuỗi cung ứng và làm giảm quy mô thị trường tiêu thụ hoặc mất ổn định các thị trường tiềm năng của Công ty. Hệ quả là doanh thu, lợi nhuận và triển vọng tăng trưởng có thể bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp, tùy vào quy mô và mức độ lan tỏa của các yếu tố rủi ro đó.

Trước những biến động khó lường, Công ty luôn chủ động xây dựng các kịch bản ứng phó linh hoạt, kiểm soát rủi ro tổng thể, và duy trì hệ thống cảnh báo sớm đối với các yếu tố vĩ mô, nhằm hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất – kinh doanh.

(Phần còn lại của trang này được để trống)

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

- Bản cáo bạch : Bản cáo bạch phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An
- BCTC : Báo cáo tài chính
- CBCNV : Cán bộ, công nhân viên
- CBTT : Công bố thông tin
- Dược – Vật tư y tế Nghệ An/NTF/Công ty/ Tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Dược – Vật tư y tế Nghệ An
- CTCP : Công ty Cổ phần
- CTCK : Công ty Chứng khoán
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Điều lệ : Điều lệ Công ty Cổ phần Dược – Vật tư y tế Nghệ An
- DTT : Doanh thu thuần
- ĐVT : Đơn vị tính
- EPS : Earning Per Share - Là lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu
- Giấy CN ĐKKD : Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- NHNN : Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- Thuế GTGT : Thuế Giá trị gia tăng
- Thuế TNCN : Thuế Thu nhập cá nhân
- Thuế TNDN : Thuế Thu nhập doanh nghiệp
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- TSCĐ : Tài sản cố định
- TTCK : Thị trường chứng khoán
- TPCN : Thực phẩm chức năng
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- VSDC : Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam


- Luật Doanh nghiệp : Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 năm 2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi bổ sung Luật doanh nghiệp
- Luật Chứng khoán : Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 năm 2020 ngày và Luật số 56/2024/QH15 ban hành ngày 29/11/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- WHO : Tổ chức Y tế thế giới
- GMP : Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc
- GDP : Thực hành tốt phân phối thuốc
- GSP : Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc
- Dự án : Dự án Nhà máy sản xuất Dược phẩm Nghệ An tại Khu công nghiệp Bắc Vinh
- BCTC 9T/2025 : Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán từ 01/01/2025 – 30/09/2025

Các từ ngữ, khái niệm khác được sử dụng trong Bản Cáo Bạch này nhưng không được giải thích/định nghĩa trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích/định nghĩa trong các mục khác của Bản Cáo Bạch này.

(Phần còn lại của trang này được để trống)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên đầy đủ	: Công ty cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An
Tên viết tắt	: DNA PHARMA
Tên tiếng Anh	: Nghe An Pharmaceutical Medical Material and Equipment Joint Stock Company
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	: 2900491298 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 30/01/2002, thay đổi lần thứ 13 ngày 10/10/2024
Địa chỉ trụ sở chính	: Số 16, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Điện thoại	: (84-238) 384 4741
Fax	: (84-238) 384 8720
Email	: dna@dnapharma.com.vn
Website	: www.dnapharma.com.vn
Vốn điều lệ đăng ký	: 60.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	: 60.000.000.000 đồng
Ngày trở thành công ty đại chúng	: 31/03/2008
Logo Công ty	:  DNA PHARMA <i>Ở cuộc sống khỏe đẹp hơn</i>
Ngành nghề kinh doanh chính	: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (mã ngành 2100).
Người đại diện theo pháp luật	: Nguyễn Văn Thắng – Chủ tịch HĐQT
Mã cổ phiếu	: NTF
Sàn niêm yết/đăng ký giao dịch	: UPCOM

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Ngày 10/03/1960, UBND tỉnh Nghệ An ra quyết định số 134/QĐ-UB hợp nhất hiệu thuốc tây Nghệ An và Công ty thuốc Nam Bắc thành “Quốc doanh dược phẩm Nghệ An”.

Năm 1976: Thực hiện chủ trương hợp nhất 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh của nhà nước thành tỉnh Nghệ Tĩnh. Ngày 20/05/1976 UBND tỉnh Nghệ An ra quyết định 1308 /QĐ-UB sát nhập 2 quốc doanh dược phẩm Nghệ An và Hà Tĩnh thành “Công ty dược phẩm Nghệ Tĩnh”.

Năm 1981 theo chủ trương của nhà nước và sự chỉ đạo của Bộ Y tế , UBND Tỉnh Nghệ Tĩnh đã có quyết định số 725/QĐ-UB ngày 27/07/1981 sát nhập 3 xí nghiệp I,II, xí nghiệp sản xuất thuốc Y học cổ truyền với Công ty Dược phẩm thành Xí nghiệp liên hợp Dược Nghệ Tĩnh. Đồng thời chuyển giao, phân cấp các hiệu thuốc thành phố, huyện về cho thành phố, huyện quản lý.

Năm 1991 thực hiện chủ trương của nhà nước về tách chia tỉnh, Tỉnh Nghệ Tĩnh thành 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, công ty mang tên mới là “Công ty Dược phẩm-dược liệu Nghệ An”.

Năm 2001 thực hiện chủ trương của Nhà nước, tại quyết định 4726/QĐ-UB-DN của UBND Tỉnh Nghệ An ngày 31/12/2001 đã quyết định chuyển đổi hình thức sở hữu công ty dược phẩm Nghệ An sang Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Nghệ An.

Ngày 30/01/2002, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2703000046, chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần, với số vốn điều lệ ban đầu là 5.602.300.000 đồng.

Ngày 19/09/2007, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000046, thay đổi lần thứ nhất, với số vốn điều lệ là 20 tỷ đồng.

Ngày 24/05/2011, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900491298, thay đổi lần thứ hai, với số vốn điều lệ là 40 tỷ đồng.

Ngày 19/05/2015, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900491298, thay đổi lần thứ năm, với số vốn điều lệ là 60 tỷ đồng.

Ngày 01/7/2019, Công ty CP Dược – Vật tư y tế Nghệ An được đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900491298 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 30/01/2002, thay đổi lần thứ 13 ngày 10/10/2024.

3. Cơ cấu tổ chức Công ty

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



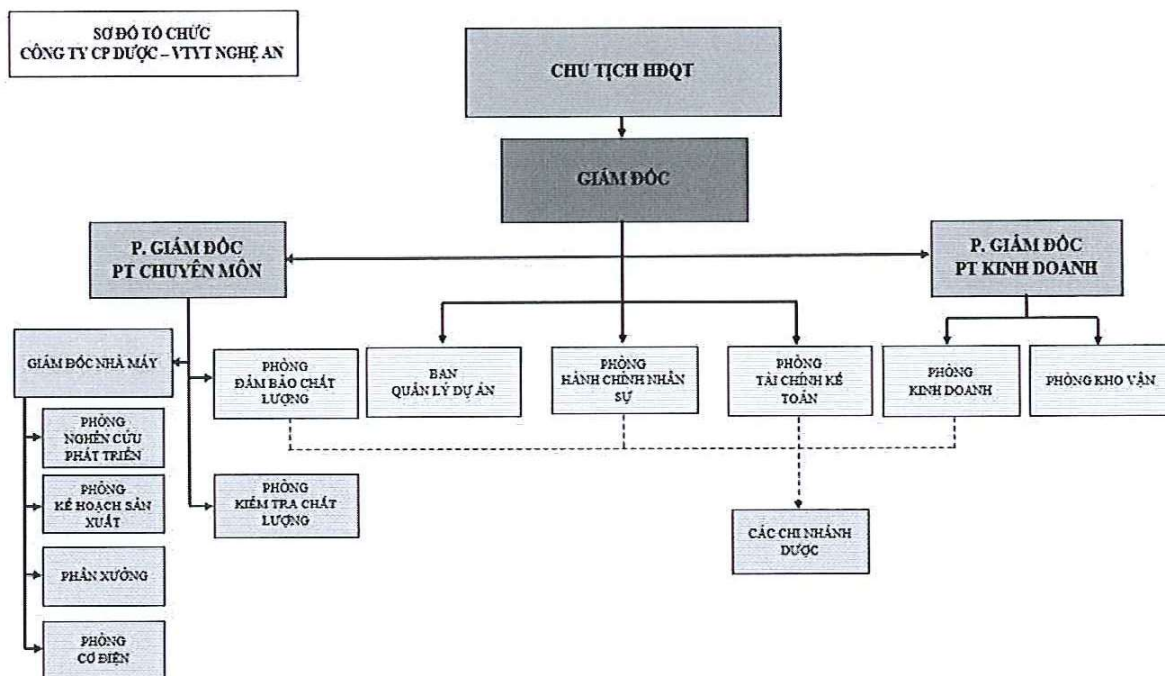
Nguồn: CTCP Dược – Vật tư Y tế Nghệ An

Công ty có một (01) trụ sở chính và 19 chi nhánh (18 Chi nhánh Dược trong tỉnh Nghệ An và 1 Chi nhánh tại Hà Nội).

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc
- Cơ cấu bộ máy quản lý.

Hình 2: Cơ cấu bộ máy của Công ty



Nguồn: CTCP Dược – Vật tư Y tế Nghệ An

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan tới mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ quyết định. Hội đồng quản trị xây dựng định hướng, chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị gồm (03) ba thành viên, Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ tối đa là 5 năm và có thể bầu lại tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Hội đồng quản trị do ĐHĐCĐ của Công ty bầu. Hội đồng quản trị hiện tại gồm 03 người, trong đó có một Chủ tịch Hội đồng quản trị và hai thành viên. Hội đồng quản trị có các trách nhiệm chính như sau:

- Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý của công ty theo đề nghị của Giám đốc;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức và quyết định mức lương của cán bộ quản lý của Công ty.

❖ **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ của Công ty bầu. Hiện tại, Ban Kiểm soát gồm (03) ba thành viên, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 5 năm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trách nhiệm chính của Ban Kiểm soát là kiểm tra tính hợp lý, tính hợp pháp của các hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty.

❖ **Giám đốc, Phó Giám đốc**

Ban Giám đốc công ty bao gồm Giám đốc và Phó Giám đốc đều do HĐQT bổ nhiệm. Trách nhiệm chính của Giám đốc và Phó Giám đốc là:

- Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và ĐHĐCĐ;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh hàng năm và thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

❖ **Giám đốc nhà máy**

- Điều hành các hoạt động của nhà máy
- Hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm soát, hoàn thiện hoạt động sản xuất dược phẩm của nhà máy, nhằm đạt mục tiêu sản lượng, chất lượng đề ra.
- Xem xét Kế hoạch sản xuất, triển khai các bộ phận/phòng ban thực hiện.
- Xem xét và đề xuất các quy định quản lý, các đề xuất điều động, bổ sung máy móc thiết bị thuộc dây chuyền sản xuất, bảo đảm hoạt động sản xuất được tiến hành hiệu quả.
- Giám sát, chỉ đạo các bộ phận phân tích hoạt động dây chuyền sản xuất, đề phòng, khắc phục các sự cố bất thường.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Nhà máy về an toàn lao động, sức khỏe và vệ sinh môi trường, tuân thủ các quy định liên quan của cơ quan Nhà nước.
- Chịu trách nhiệm báo cáo tình hình sản xuất với Ban Giám đốc và đề xuất các phương án cải thiện/nâng cao năng lực sản xuất.
- Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ban Giám Đốc.

❖ **Các phòng ban chuyên môn**

Công ty có các Bộ phận chức năng hỗ trợ cho Ban Giám đốc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được vận hành tốt. Công ty gồm có các Bộ phận chức năng:

➤ **Phòng Hành chính nhân sự:**

Tham mưu cho HĐQT và Giám đốc về công tác tổ chức, nhân sự và hành chính. Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động liên quan đến tổ chức nhân sự và hành chính. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác tổ chức nhân sự và hành chính.

➤ **Phòng Tài chính – Kế toán:**

Thực hiện các nghiệp vụ kế toán, quản lý tài chính theo quy định của pháp luật và điều lệ, quy chế Công ty. Thực hiện việc giám sát toàn bộ hoạt động tài chính kế toán của Công ty.

➤ **Phòng Kinh doanh:**

Xây dựng, lập kế hoạch kinh doanh ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của Công ty.

Tham mưu cho Giám đốc về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc. Dự báo và kịp thời nắm bắt nhu cầu hàng hóa của thị trường để tham mưu cho Ban Giám đốc điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Kịp thời khai thác nguồn hàng hóa đầy đủ về chủng loại, giá cả hợp lý nhất để cung ứng cho hệ thống kinh doanh của Công ty.

Tổ chức đấu thầu thuốc và các cơ sở điều trị đạt kết quả tốt nhất.

➤ **Phòng Kho vận:**

Phòng Kho vận là bộ phận chức năng hoạt động độc lập dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Giám đốc Công ty, có chức năng lưu trữ toàn bộ sản phẩm của công ty sản xuất ra từ việc nhập kho, bảo quản đến xuất kho và vận chuyển tới các chi nhánh Dược.

➤ **Phòng kiểm tra chất lượng:**

Phòng kiểm tra chất lượng là một bộ phận chức năng hoạt động độc lập dưới sự chỉ đạo của Ban giám đốc Công ty, chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về kết quả kiểm nghiệm nguyên liệu, phụ liệu, bán thành phẩm, thành phẩm và kết luận của mình.

➤ **Phòng Đảm bảo chất lượng:**

Phòng đảm bảo chất lượng là bộ phận chức năng hoạt động độc lập dưới lãnh đạo của Giám đốc Công ty, là công cụ quản lý, bảo đảm chất lượng toàn bộ sản phẩm của công ty sản xuất ra: từ việc nhập vật tư, nguyên phụ liệu, thực hiện quá trình sản xuất, quá trình nhập kho, bảo quản, phân phối đến tiêu thụ. Đảm bảo rằng nhà máy đủ điều kiện và sản xuất theo qui định GPs của Bộ Y tế. Tham mưu cho Giám đốc về công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm của công ty, cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác các thông tin về kết quả kiểm nghiệm chất lượng nguyên phụ liệu đầu vào.

➤ **Phòng Nghiên cứu phát triển:**

Phòng Nghiên cứu phát triển là bộ phận tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc Công ty về công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm của Công ty. Nghiên cứu, thiết kế sản phẩm mới, đăng ký sản phẩm theo quy định qui chế của Bộ Y tế.

Nghiên cứu các dạng bào chế, công thức thuốc và thiết kế bao bì; Thử lâm sàng đối với các sản phẩm mới. Soạn thảo các tài liệu sản xuất gốc, quy trình pha chế gốc và quy trình đóng gói gốc; Tham gia công tác thẩm định với các bộ phận liên quan.

➤ **Phòng kế hoạch sản xuất**

Phòng kế hoạch có chức năng lập kế hoạch và tham mưu cho Giám đốc nhà máy về hoạt động sản xuất kinh doanh; thực hiện giám sát các phòng ban trong việc thực hiện kế hoạch hàng tháng, quý, năm của Công ty. Tham mưu cho Giám đốc nhà máy trong công tác quản lý, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh.

➤ **Phòng cơ điện**

Phòng cơ điện là bộ phận giúp việc hoạt động dưới sự chỉ đạo của Ban Giám đốc có chức năng quản lý, vận hành các thiết bị máy móc đảm bảo hoạt động tốt và an toàn. Tham gia thiết kế, xây dựng nhà xưởng, lắp đặt trang thiết bị, dây chuyền, hoàn thiện hệ thống SOP cho máy móc, thiết bị.

Vận hành hệ thống các thiết bị: lò hơi, điều hòa không khí, hệ thống điện, hệ thống camera quan sát, hệ thống thông tin, hệ thống nước cất, nước sạch, nước thải,...

Sửa chữa và khắc phục các sự cố của hệ thống trang thiết bị máy móc sản xuất;

Phối kết hợp với các phòng ban, phân xưởng để lên kế hoạch bảo dưỡng, bảo trì các thiết bị máy móc.

➤ **Các Phân xưởng sản xuất**

Phân xưởng sản xuất là bộ phận trực tiếp tham gia sản xuất, tạo ra sản phẩm theo đúng kế hoạch của Công ty và đảm bảo đúng quy trình thao tác chuẩn (SOP) đã được phê duyệt.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối: Không có

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần đến nay, Công ty cổ phần Dược - Vật tư Y tế Nghệ An đã thực hiện 5 lần tăng vốn. Chi tiết từng lần tăng vốn của Công ty như sau:

Bảng 2: Quá trình tăng vốn điều lệ

Lần	Thời điểm tăng/giảm vốn	Giá trị vốn tăng/giảm tính theo mệnh giá (VND)	Vốn điều lệ sau khi phát hành (VND)	Hình thức phát hành	Cơ quan chấp thuận	Cơ sở pháp lý
Thành lập CTCP	Năm 2002	5.602.300.000	5.602.300.000		Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An	- Giấy chứng nhận ĐKKD số 2703000046 đăng ký lần đầu ngày 30/01/2002
1	Năm 2004 (*)	3.397.700.000	9.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2004	- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2004 ngày 23/2/2004
2	Năm 2006 (*)	5.958.000.000	14.958.000.000	Phát hành ra công chúng thông qua đấu giá và bán cho CBCNV	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006	- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2006
3	Năm 2007 (**)	5.042.000.000	20.000.000.000	Phát hành ra công chúng	Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An	- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2007 ngày 28/02/2007 - Giấy chứng nhận ĐKKD số 2703000046 thay đổi lần 1 ngày 19/09/2007
4	Năm 2011 (***)	20.000.000.000	40.000.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An	- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2010 số 140/2010/NQ-DNA ngày 08/04/2010 - Giấy CNĐKKD số 2900491298 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 24/05/2011

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN



Lần	Thời điểm tăng/giảm vốn	Giá trị vốn tăng/giảm tính theo mệnh giá (VND)	Vốn điều lệ sau khi phát hành (VND)	Hình thức phát hành	Cơ quan chấp thuận	Cơ sở pháp lý
5	Năm 2014	20.000.000.000	60.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014	Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2014 số 73/NQ-ĐHCĐ ngày 19/4/2014
					Ủy ban chứng khoán Nhà nước	Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng số 116/UBCK-GCN ngày 15/12/2014
					Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900491298 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19/05/2015
					Ủy ban chứng khoán Nhà nước	Thông báo của UBCKNN số 1279/UBCK - QLPH ngày 20/03/2015 về việc nhận được tài liệu phát hành và Báo cáo Kết quả phát hành

Nguồn: CTCP Dược – Vật tư Y tế Nghệ An

(*) Năm 2004 và 2006, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ nhưng không làm thay đổi đăng ký kinh doanh.

(**) Năm 2007, Công ty đã nhận được Công văn số 491/TT ngày 07/07/2008 của UBCKNN về việc Công ty đã vi phạm quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Quyết định số 74/QĐ-TT ngày 30/07/2008 của UBCKNN về việc xử phạt vi phạm hành chính trong việc nộp hồ sơ đăng ký đại chúng muợn và tăng vốn không đúng quy định của pháp luật. Công ty đã thực hiện nghĩa vụ nộp phạt tại Kho bạc Nhà nước.

(***) Năm 2011, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 40 tỷ đồng nhưng hiện nay bị thất lạc văn bản của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc nhận đủ hồ sơ đăng ký phát hành và báo cáo kết quả phát hành. Công ty cam kết đã thực hiện đăng ký phát hành và báo cáo kết quả phát hành đầy đủ tới Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác: Không có

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại ngày 04/04/2025

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước	160	6.000.000	60.000.000.000	100,00%
1.1	Tổ chức	5	5.587.660	55.876.600.000	93,13%
1.2	Cá nhân	155	412.340	4.123.400.000	6,87%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-	0,00%
2.1	Tổ chức	-	-	-	0,00%
2.2	Cá nhân	-	-	-	0,00%
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	0,00%
Tổng cộng		160	6.000.000	60.000.000.000	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông của NTF tại ngày 04/04/2025 do VSDC cung cấp

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật: 0%. (Theo công văn số 6059/UBCK-PTTT ngày 12/09/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của CTCP Dược – Vật tư Y tế Nghệ An)
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: Không có.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty hiện tại: là 0% (theo danh sách cổ đông chốt ngày 04/04/2025).

10. Hoạt động kinh doanh

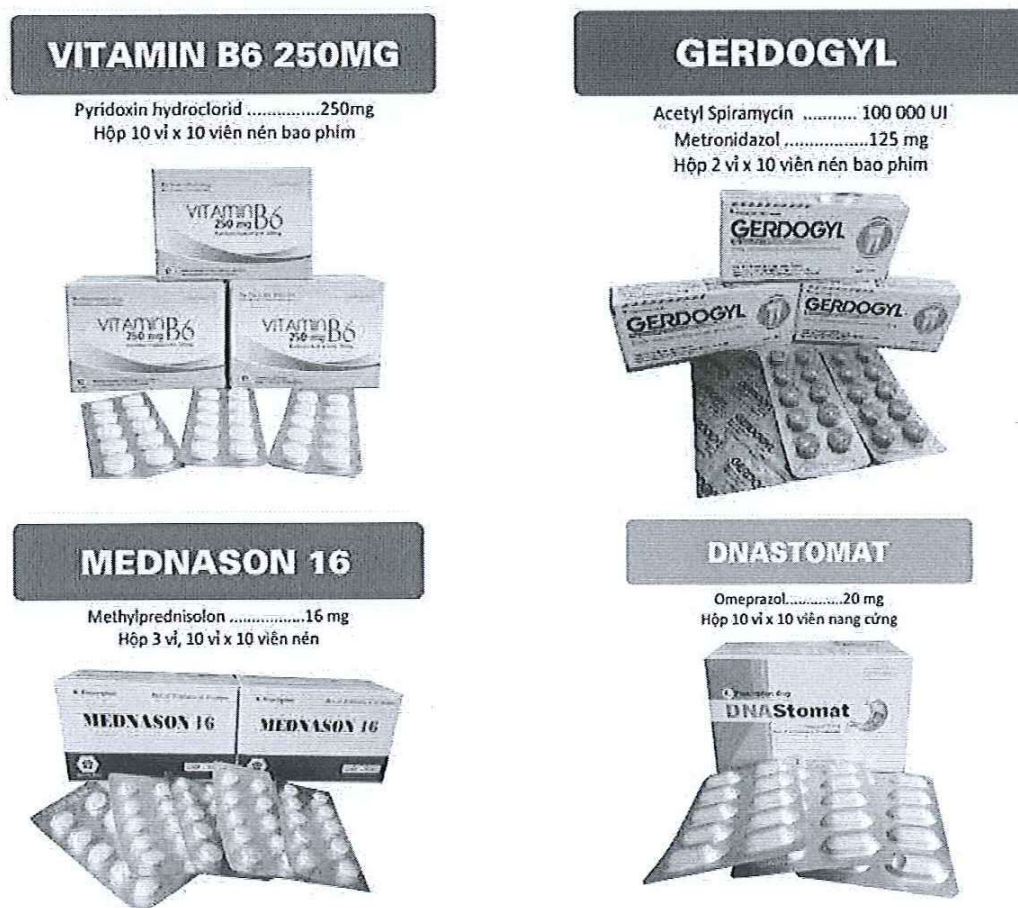
10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Nghệ An hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và phân phối dược phẩm và vật tư y tế tại khu vực Nghệ An và Hà Nội, với mạng lưới khách hàng trải rộng từ các cơ sở y tế công lập, tư nhân đến hệ thống nhà thuốc. Ngoài ra, Công ty còn có nguồn thu từ việc cho thuê cửa hàng ki ốt, nhà xưởng....

10.1.1. Hoạt động sản xuất dược phẩm

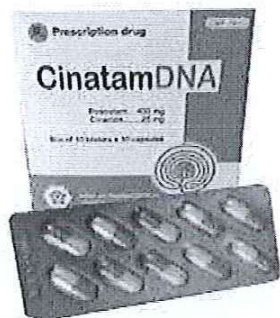
Sản phẩm do công ty trực tiếp sản xuất và bán ra thị trường. Sản phẩm chủ lực là các loại : Kháng sinh, Vitamin, Các sản phẩm có nguồn gốc từ thiên nhiên. Ngoài việc cung cấp thuốc qua các chi nhánh trên khắp địa bàn Nghệ An và thành phố Hà Nội công ty còn trực tiếp bán hàng tới các Bệnh viện tuyến thành phố, tuyến huyện, bệnh viện tư nhân.

Hình 3: Một số hình ảnh về sản phẩm của Công ty



CINATAM- DNA

Piracetam400 mg
Cinarizin.....25 mg
Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng



NƯỚC SỨC MIỆNG DNASHINE PROMAX

Chlohexidin, nano bạc.....
Lọ 200ml, 250ml, 500ml



ACCDRUG - DNA

Acetylcystein.....200 mg
Hộp 30 gói x 2 g



HOẠT HUYẾT KIẾN NÃO

Cao đặc đỉnh lằng 150 mg, Cao khô Bạch quả 50mg
Lọ 200ml, 250ml, 500ml



Bảng 4: Một số Sản phẩm Dược phẩm của Công Ty

TT	Sản phẩm	Dạng bào chế
1	Kháng sinh – Kháng nấm	
-	Ciprofloxacin DNA	Viên nén bao phim
-	Tetracyclin 250mg	Viên nén

TT	Sản phẩm	Dạng bào chế
-	Cloramphenicol	Viên nang cứng
-	Cotrimoxazol DNA	Viên nén
-	Cotrimbaby	Gói
-	Gerdogyl	Viên nén bao phim
-	Lincomycin 500mg	Viên nang cứng
-	Metronidazol	Viên nén
-	Rospycin	Viên nén bao phim
2	Giảm đau – Hạ sốt	
-	Paracetamol 500mg	Viên nén
-	Naflluextra	Viên nén
3	Giảm đau – Kháng viêm	
-	Mednason 4	Viên nén
-	Mednason 16	Viên nén
-	Prednisolon 5mg	Viên nén
-	Alphasusa	Viên nén phân tán
4	Tác động trên hệ hô hấp	
-	Accdrug - DNA	Gói
5	Tiêu hóa	

TT	Sản phẩm	Dạng bào chế
-	Berberin 10mg	Viên nén
-	Saforliv	Viên nén bao phim
-	Dnastomat	Viên nang cứng
6	Vitamin – Khoáng chất	
-	Vitamin B6 25mg	Viên nén
-	Vitamin C DNA	Viên nén bao phim
-	Neuro DT	Viên nén phân tán
-	Oresol 27,9g - DNA	Gói
-	Oresol 5,58g - DNA	Gói
-	Vitamin 3B B1-B2-B6	Viên nén bao phim
-	Vitamin B1 10mg	Viên nén
-	Vitamin B2 2mg	Viên nén
-	Vitamin B1 250mg	Viên nén bao phim
-	Me2b	Viên nén bao phim
-	Vitamin B6 250mg	Viên nén bao phim
7	Tác động lên hệ thần kinh	
-	Piracetam - DNA	Viên nang cứng
-	Vinpocetin 5mg	Viên nén

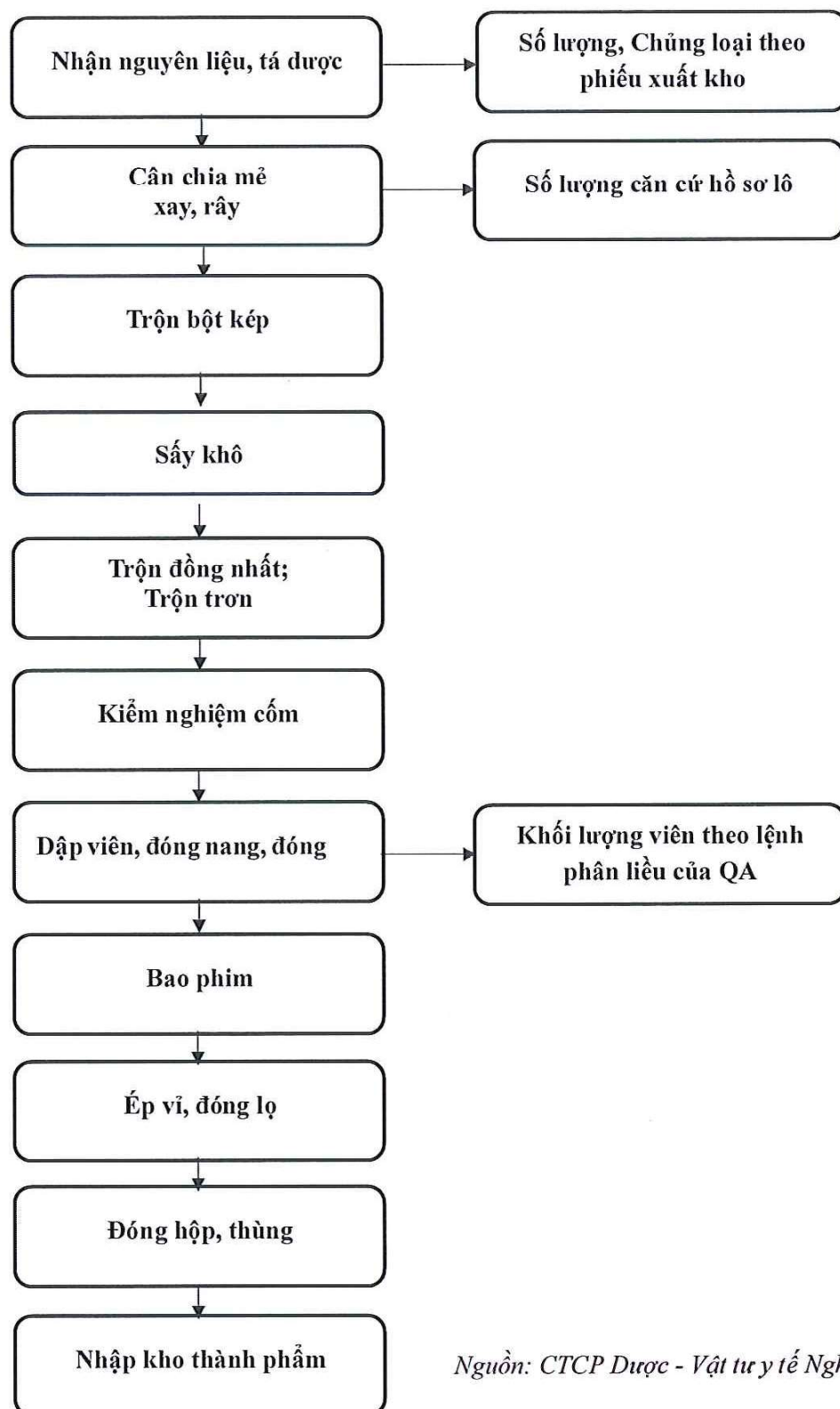
TT	Sản phẩm	Dạng bào chế
-	Cinatam - DNA	Viên nang cứng
-	Cinarizin 25mg	Viên nén
-	Vomina 50mg	Viên nén
-	Naciti 500	Viên nén
8	Thiết bị y tế	
-	Nước súc miệng Mik Maki	Lọ
-	Nước súc miệng Dad & Mom	Lọ
-	Bột Nabica	Gói
-	Cồn 70 độ	Lọ
-	Nước muối sinh lý Nacl 0.9%	Lọ
-	Nước súc miệng trẻ em Dnakid	Lọ
-	Cồn 90 độ	Lọ
-	Nước súc miệng Dnashine Promax	Lọ
-	Nước súc miệng Nadaga Plus	Lọ
9	Thuốc – thực phẩm khác	
-	Hoạt huyết kiện não	Viên nén
-	Chorlatcin	Viên nang cứng
-	Đông trùng Hạ thảo đế vương	Lọ

TT	Sản phẩm	Dạng bào chế
-	Đồng trùng Hạ thảo thượng hạng	Lọ
-	DNA Top	Ống
-	Siro Bổ phế DNA	Lọ
-	Đại tràng hoàn DNA	Viên hoàn cứng
-	Dnagan	Viên nang cứng
-	Hoạt huyết dưỡng não DNA	Viên nén bao phim
-	Xuyên hương DNA	Viên nang cứng
-	Xuyên tâm liên DNA	Viên nang cứng
-	Dưỡng tâm an thần DNA	Viên nang cứng

Nguồn: CTCP Dược – Vật tư Y tế Nghệ An

(Phần còn lại của trang này được để trống)

Hình 4: Quy trình sản xuất sản phẩm thuốc tân dược dạng viên nén, nang, cốm bột



Nguồn: CTCP Dược - Vật tư y tế Nghệ An

10.1.2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty chịu tác động bởi các yếu tố theo mùa và dịch bệnh, dẫn tới nhu cầu thuốc và sản phẩm y tế không đều quanh năm. Vào các đợt khí hậu lạnh, nhu cầu thuốc kháng sinh, giảm sốt, hạ sốt, vitamin tăng cao hơn, vào các đợt khí hậu nóng, nhu cầu tăng cao với thuốc tiêu hóa hoặc khi có dịch cúm, sốt xuất huyết, tay chân miệng ... dẫn tới nhu cầu tăng cao với thuốc hạ sốt, vitamin.

10.1.3. Sản lượng sản xuất

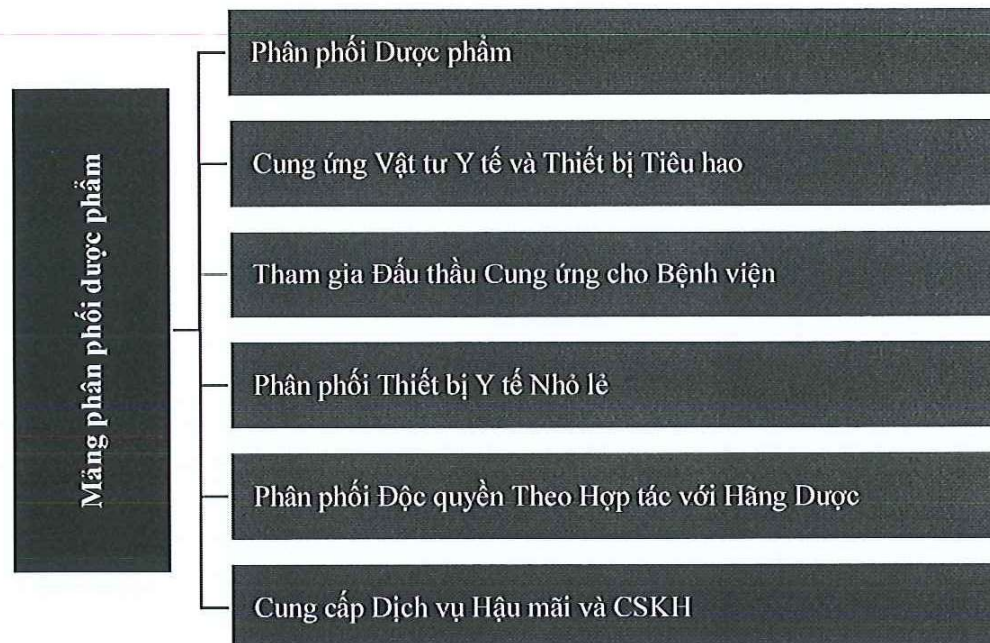
Bảng 5. Sản lượng sản xuất giai đoạn 2023 – 9T/2025

STT	Dòng sản phẩm	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng năm 2025
1	Kháng sinh – Kháng nấm	Viên	115.633.320	92.190.840	74.975.120
2	Giảm đau – Hạ sốt	Viên	9.170.500	13.275.000	1.967.800
3	Giảm đau – Kháng viêm	Viên	7.880.480	18.669.500	8.094.400
4	Tác động trên hệ hô hấp	Gói	125.820	214.830	127.710
5	Tiêu hóa	Viên	45.371.144	28.895.924	39.018.236
6	Vitamin – Khoáng chất	Viên	28.935.960	24.417.970	29.854.350
7	Tác động lên hệ thần kinh	Viên	2.578.400	2.814.100	2.838.000
8	Thiết bị y tế	Chai/Gói	252.062	192.261	-
9	Thuốc – Thực phẩm khác	Viên	13.313.880	17.986.170	10.513.460

Nguồn: CTCP Dược - Vật tư y tế Nghệ An

10.1.4. Hoạt động phân phối dược phẩm và vật tư y tế

Các mảng hoạt động trong lĩnh vực phân phối dược phẩm và vật tư y tế của công ty bao gồm:



a) Phân phối Dược phẩm

Là mảng hoạt động cốt lõi, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu. Công ty cung ứng đa dạng các loại thuốc: thuốc kê đơn, không kê đơn, thuốc điều trị chuyên khoa, thuốc generic, thuốc biệt dược... cho bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám và nhà thuốc trên địa bàn Nghệ An và các tỉnh lân cận.

b) Cung ứng Vật tư Y tế và Thiết bị Tiêu hao

Công ty cung cấp vật tư y tế như: bông, gạc, khẩu trang y tế, ống tiêm, kim tiêm, dây truyền dịch... cho các cơ sở khám chữa bệnh. Đây là mảng có nhu cầu ổn định và tăng trưởng đều theo sự phát triển của hệ thống y tế.

c) Tham gia Đấu thầu Cung ứng cho Bệnh viện

Công ty tham gia đấu thầu mua sắm thuốc và vật tư y tế thông qua các gói thầu tập trung của Sở Y tế hoặc đấu thầu riêng lẻ tại các cơ sở y tế công lập. Hoạt động này đòi hỏi năng lực pháp lý, tài chính và uy tín cao, là nguồn doanh thu ổn định cho công ty.

d) Phân phối Thiết bị Y tế Nhỏ lẻ

Bao gồm các thiết bị sử dụng tại phòng khám, trạm y tế như máy đo huyết áp, máy đo đường huyết, máy khí dung... Đây là mảng có tiềm năng mở rộng nhờ nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu ngày càng tăng.

e) Phân phối Độc quyền Theo Hợp tác với Hãng Dược

Công ty ký hợp tác làm nhà phân phối độc quyền cho một số hãng dược phẩm trong và ngoài nước

tại địa bàn khu vực Bắc Trung Bộ, nhằm tăng tính cạnh tranh và giá trị thương hiệu trong dài hạn.

f) Cung cấp Dịch vụ Hậu mãi và CSKH

Dịch vụ giao hàng tận nơi, tư vấn sử dụng thuốc, hỗ trợ các chương trình chăm sóc khách hàng thân thiết và các hoạt động truyền thông tại điểm bán. Đây là yếu tố tạo khác biệt và giữ chân khách hàng trong môi trường cạnh tranh cao.

10.1.5. Kinh doanh cho thuê cửa hàng ki ốt, nhà xưởng

Công ty cho thuê cửa hàng, ki ốt và nhà xưởng tại trụ sở chính và chi nhánh, lĩnh vực này chỉ đóng góp nhỏ vào doanh thu (khoảng 1-3%).

10.1.6. Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp các mảng hoạt động qua các năm:

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm

Đơn vị: đồng

Doanh thu thuần	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng Doanh thu thuần (%)	Giá trị	Tỷ trọng Doanh thu thuần (%)	Giá trị	Tỷ trọng Doanh thu thuần (%)
Sản xuất	74.379.005.204	38,06%	70.596.236.178	41,01%	45.675.122.005	42,02%
Gia công	10.789.056.116	5,52%	13.349.117.142	7,76%	8.772.782.651	8,07%
Thương mại	106.630.651.364	54,57%	83.999.007.089	48,80%	50.750.832.997	46,69%
Cho thuê ki ốt, nhà xưởng	3.614.148.168	1,85%	4.190.429.817	2,43%	3.503.836.788	3,22%
Tổng Doanh thu thuần	195.412.860.852	100,00%	172.134.790.226	100,00%	108.702.574.441	100,00%

Nguồn: CTCP Dược - Vật tư y tế Nghệ An

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

Đơn vị: đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng Lợi nhuận gộp (%)	Giá trị	Tỷ trọng Lợi nhuận gộp (%)	Giá trị	Tỷ trọng Lợi nhuận gộp (%)
Sản xuất	17.377.880.510	41,28%	17.966.661.211	43,68%	10.016.217.312	35,23%
Gia công	2.820.788.923	6,70%	2.201.255.885	5,35%	1.902.226.740	6,69%

Lợi nhuận gộp	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng Lợi nhuận gộp (%)	Giá trị	Tỷ trọng Lợi nhuận gộp (%)	Giá trị	Tỷ trọng Lợi nhuận gộp (%)
Thương mại	18.284.396.882	43,43%	16.778.446.911	40,79%	13.005.072.484	45,75%
Cho thuê ki ốt, nhà xưởng	3.614.148.168	8,59%	4.190.429.817	10,19%	3.503.836.788	12,33%
Tổng Lợi nhuận gộp	42.097.214.483	100,00%	41.136.793.824	100,00%	28.427.353.324	100,00%

Nguồn: CTCP Dược - Vật tư y tế Nghệ An

Cơ cấu sản xuất và thương mại chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong khoảng thời gian từ năm 2023 đến 9 tháng năm 2025. Tỷ trọng lợi nhuận gộp của lĩnh vực sản xuất từ năm 2023 đến 9 tháng năm 2025 lần lượt là 41,28%; 43,68%; 35,23%. Tỷ trọng lợi nhuận gộp của lĩnh vực thương mại từ năm 2023 đến 9 tháng năm 2025 lần lượt là 43,43%; 40,79%; 45,75%. Trong 9 tháng đầu năm 2025, tỷ trọng lợi nhuận gộp có xu hướng chuyển dịch từ sản xuất sang thương mại.

10.2. Tài sản

Bảng 8: Giá trị tài sản cố định tại ngày 30/09/2025

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá tại 30/09/2025	Giá trị còn lại tại ngày 30/09/2025	Tỷ lệ GTCL/NG (*)
Tài sản cố định hữu hình	50.086.017.890	1.454.869.903	2,90%
Tài sản cố định vô hình	587.553.000	140.240.802	23,87%
Tài sản dở dang dài hạn	52.424.481.983	52.424.481.983	100,00%

Nguồn: BCTC 9T/2025 tự lập của CTCP Dược - Vật tư y tế Nghệ An

(*) Nhiều tài sản của Công ty tuy đã được trích khấu hao hết theo quy định kế toán hiện hành, tuy nhiên vẫn còn khả năng sử dụng thực tế và hiện đang tiếp tục được Công ty khai thác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bảng 9: Giá trị tài sản lớn

Đơn vị: đồng

STT	Tên tài sản	Thời gian đưa vào sử dụng	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	GTCL tại ngày 31/12/2024	GTCL tại ngày 30/09/2025
1	Khu nhà sản xuất thuốc nước	01/12/2006	815.749.923	815.749.923	-	-
2	3 tầng -16 Minh Khai	01/01/1980	1.431.874.045	1.431.874.045	-	-
3	Hệ thống điều hoà không khí	01/09/2006	1.905.865.109	1.905.865.109	-	-
4	Nhà máy sản xuất GMP - WHO	01/01/2008	7.083.110.748	6.936.708.441	264.454.152	-
5	Máy ép vi tự động Model: CP-250 (Mã số: TBA - 23)	02/07/2009	1.498.300.000	1.498.300.000	-	-
6	Nhà dịch vụ KD 2 tầng 16 Minh Khai	01/01/2009	1.784.457.432	1.769.870.130	36.893.019	-
7	Nhà kho GSP1 (Kho C. Thủy)	31/12/2009	782.261.360	782.261.360	-	-
8	Máy dập viên cao tốc, Model: JC - DH - 29 (DB) (Mã số TBA - 12)	18/10/2010	1.566.532.500	1.566.532.500	-	-
9	Máy trộn bột khô, Model: RM-1000	18/10/2010	795.600.000	795.600.000	-	-
10	Nhà Kinh doanh 3 tầng + nhà trực tại 16 MK	01/09/2010	1.987.339.312	1.687.909.015	324.272.037	249.746.817
11	Máy đóng nang tự động NJP Series 1200 C - Cty Anh Sơn (Mã số TBA - 20)	01/12/2012	856.064.000	856.064.000	-	-
12	Xe Ô tô Camry 2.4G 5 chỗ (Biển đăng ký 37A - 22910)	01/10/2015	1.225.036.363	1.225.036.363	-	-
13	Hệ thống máy quang phổ hồng ngoại (Model: Spectrum Two) + Máy tính Dell + Máy in HP2035	01/01/2016	674.545.455	674.545.455	-	-
14	Máy dập viên nén tự động ZP - 37B Trung Quốc	30/12/2016	620.901.818	620.901.818	-	-

STT	Tên tài sản	Thời gian đưa vào sử dụng	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	GTCL tại ngày 31/12/2024	GTCL tại ngày 30/09/2025
15	Hệ thống máy sắc khí lỏng cao áp (Model ULTIMATE300)	01/03/2017	1.057.250.000	1.057.250.000	33.039.047	-

Nguồn: CTCP Dược - Vật tư y tế Nghệ An

Bảng 10: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2023	Chi phí phát sinh trong năm 2024	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm 2024	31/12/2024	30/09/2025
Xây dựng cơ bản dở dang	45.379.211.908	1.965.188.083	-	47.344.399.991	52.424.481.983
Dự án nhà máy sản xuất dược phẩm tại KCN Bắc Vinh	44.191.913.484	1.830.978.868	-	46.022.892.352	51.102.974.344
Dự án nhà máy đông dược số 68 Nguyễn Sỹ Sách	1.187.298.424	134.209.215	-	1.321.507.639	1.321.507.639
Cộng	45.379.211.908	1.965.188.083	-	47.344.399.991	52.424.481.983

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2024 và BCTC 9T/2025 tự lập của Công ty

10.3. Thị trường hoạt động

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường trong nước, tập trung tại địa bàn tỉnh Nghệ An. Tỷ trọng doanh thu từ thị trường Nghệ An lần lượt đạt 92,58%, 94,36% và 95,61% tương ứng với năm 2023, 2024 và 9 tháng năm 2025.

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh chính, Công ty còn tận dụng khai thác cho thuê phần diện tích nhà xưởng, cửa hàng ki ốt... chưa sử dụng hết tại trụ sở chính và các chi nhánh để tăng nguồn thu cho Công ty.

Bảng 11: Cơ cấu doanh thu thuần theo thị trường hoạt động

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng Doanh thu thuần (%)	Giá trị	Tỷ trọng Doanh thu thuần (%)	Giá trị	Tỷ trọng Doanh thu thuần (%)
Doanh thu kinh	180.906.124.741	92,58%	162.418.761.008	94,36%	103.930.706.216	95,61%

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng Doanh thu thuần (%)	Giá trị	Tỷ trọng Doanh thu thuần (%)	Giá trị	Tỷ trọng Doanh thu thuần (%)
doanh dược phẩm tại tỉnh Nghệ An						
Doanh thu kinh doanh dược phẩm ngoài tỉnh Nghệ An	10.892.587.943	5,57%	5.525.599.401	3,21%	1.268.031.437	1,17%
Doanh thu cho thuê cửa hàng ki ốt, nhà xưởng	3.614.148.168	1,85%	4.190.429.817	2,43%	3.503.836.788	3,22%
Tổng Doanh thu thuần	195.412.860.852	100,00%	172.134.790.226	100,00%	108.702.574.441	100,00%

Nguồn: CTCP Dược - Vật tư y tế Nghệ An

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Trong thời gian qua, CTCP Dược - Vật tư y tế Nghệ An tập trung triển khai đầu tư xây dựng Dự án nhà máy sản xuất dược phẩm tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Đây là dự án trọng điểm, có vai trò nền tảng trong chiến lược phát triển dài hạn của Công ty, hướng đến mục tiêu nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của thị trường dược phẩm trong nước và quốc tế.

Dự án có tổng vốn đầu tư là 315 tỷ đồng, được xây dựng trên khu đất có diện tích 48.571 m², với cơ cấu vốn tự có thực hiện dự án là 63 tỷ đồng, chiếm 20% tổng vốn đầu tư.

Quy mô đầu tư của dự án bao gồm:

- Sản phẩm đông dược và thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng: 300 triệu đơn vị sản phẩm/năm;
- Sản phẩm thuốc tân dược: 800 – 1.000 triệu đơn vị sản phẩm/năm;
- Sản phẩm thuốc cổ truyền, nhỏ mắt: 60 – 100 triệu đơn vị sản phẩm/năm;
- Sản phẩm vật tư y tế loại A: 100 – 150 triệu đơn vị sản phẩm/năm;
- Dịch vụ phụ trợ như: cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà kho; dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Việc đầu tư xây dựng nhà máy tại Nghệ An không chỉ giúp Công ty mở rộng năng lực sản xuất và kiểm soát chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành trung tâm sản xuất – logistics dược phẩm tại khu vực Bắc Trung Bộ. Đây cũng là tiền đề

quan trọng giúp CTCP Dược - Vật tư y tế Nghệ An từng bước khẳng định vị thế của mình trong ngành Dược Việt Nam, đồng thời mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và hướng tới xuất khẩu trong thời gian tới.

10.5. Các hợp đồng lớn

Các hợp đồng đã được ký kết và chưa thực hiện trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có.

Một số Hợp đồng lớn của Công ty đã ký kết và đang triển khai như sau:

(Phần còn lại của trang này được để trống)

Bảng 12: Danh mục hợp đồng lớn đã ký kết và đang triển khai của Công ty*Nguồn: CTCP Dược - Vật tư y tế Nghệ An*

TT	Số hợp đồng	Tên hợp đồng	Đối tác	Giá trị (đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty
I. DANH MỤC HỢP ĐỒNG ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN (NĂM 2024)								
1	35/2024/DNA/HĐ KT/OTC	Hợp đồng nguyên tắc về cung ứng dược phẩm	Công ty TNHH Dược Phẩm Đa Phúc	16.883.083.630	Năm 2024	01/01/2024 đến 31/12/2024	Hàng sản xuất đầu ra	Không có
2	44/2024/DNA/HĐ KT/OTC	Hợp đồng nguyên tắc về cung ứng dược phẩm	Công ty TNHH Thương Mại Nguyên SALA	2.095.041.040	Năm 2024	01/01/2024 đến 31/12/2024	Hàng sản xuất đầu ra	Không có
3	46/2024/DNA/HĐ KT/OTC	Hợp đồng nguyên tắc về cung ứng dược phẩm	Công ty TNHH Dược Phẩm Và Trang Thiết Bị Y Tế Quân Anh	2.862.259.560	Năm 2024	01/01/2024 đến 31/12/2024	Hàng sản xuất đầu ra	Không có
4	01/2024/HĐNT/N A-MA	Hợp đồng nguyên tắc về cung ứng dược phẩm	Công ty TNHH Công Nghệ Dược Minh An	7.455.455.764	Năm 2024	03/01/2024 đến 31/12/2024 (đang ký gia hạn Hợp đồng năm 2025)	Hàng gia công đầu ra	Không có
5	15.1/HĐKT/2024/BVTP-DNA	Hợp đồng cung ứng thuốc	Bệnh viện đa khoa Thành phố Vinh	2.625.117.808	Năm 2024	Bắt đầu từ 14/04/2024	Hàng sản xuất và thương mại đầu ra	Không có
6	1.3/1967/HĐKT/B VUB-DNA/GEN2/8.2024	Hợp đồng cung ứng thuốc	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	4.323.878.997	Năm 2024	Bắt đầu từ 27/8/2024	Hàng sản xuất và thương mại đầu ra	Không có
7	26/2024/CDPV-DNA	Hợp đồng kinh tế	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược	7.840.097.120	Năm 2024	01/04/2024 – 31/12/2024	Hàng sản xuất và	Không có

TT	Số hợp đồng	Tên hợp đồng	Đối tác	Giá trị (đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty
			phẩm Trung Ương Codupha Vinh				thương mại đầu vào	
8	07/2024/HĐKT	Hợp đồng kinh tế	Công ty TNHH Dược phẩm Đa Phúc	6.347.402.518	Năm 2024	02/01/2024 – 31/12/2024	Hàng sản xuất và thương mại đầu vào	Không có
9	01/TVP-DNA	Hợp đồng mua bán và phân phối hàng hóa	Chi nhánh CTCP Dược phẩm TV. Pharm tại Nghệ An	2.615.942.282	Năm 2024	01/01/2024 – 31/12/2024	Hàng sản xuất và thương mại đầu vào	Không có
10	01/2024/HĐKT-TB-DNA	Hợp đồng kinh tế	Công ty TNHH Thương mại Dược Mỹ Phẩm Thanh Bình	3.799.443.898	Năm 2024	01/04/2024 – 30/04/2025	Hàng sản xuất và thương mại đầu vào	Không có
11	01/2024/HĐKT-DNP-CNTH	Hợp đồng kinh tế	Công ty Cổ phần Dược Danapha	2.947.315.702	Năm 2024	02/05/2024 – 30/04/2025	Hàng sản xuất và thương mại đầu vào	Không có
12	269/HĐKT/DNA-BUSAL	Hợp đồng mua bán thuốc	Công ty CP 168 Busal Hàn Quốc	2.864.674.444	Năm 2024	02/01/2024 – 31/12/2024	Hàng sản xuất và thương mại đầu vào	Không có
II. DANH MỤC HỢP ĐỒNG ĐÃ KÝ KẾT VÀ ĐANG TRIỂN KHAI (GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG TÍNH ĐẾN 30/09/2025)								
1	35/2025/DNA/HĐ KT/OTC	Hợp đồng nguyên tắc về cung ứng dược phẩm	Công ty TNHH Dược Phẩm Đa Phúc	10.522.390.944	Năm 2025	02/01/2025 đến 31/12/2025	Hàng Sản xuất đầu ra	Không có
2	44/2025/DNA/HĐ KT/OTC	Hợp đồng nguyên tắc về cung ứng dược	Công ty TNHH Thương Mại Nguyệt SALA	364.927.715	Năm 2025	02/01/2025 đến 31/12/2025	Hàng sản xuất đầu ra	Không có

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN



DNA PHARMA
(Thước sống khỏe - Tập thể khỏe)

TT	Số hợp đồng	Tên hợp đồng	Đối tác	Giá trị (đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty
3	46/2025/DNA/HĐ KT/OTC	Hợp đồng nguyên tắc về cung ứng dược phẩm	Công ty TNHH Dược Phẩm Và Trang Thiết Bị Y Tế Quân Anh	-	Năm 2025	02/01/2025 đến 31/12/2025	Hàng sản xuất đầu ra	Không có
4	09/2024/HĐNT/DNA-PHRUSA	Hợp đồng nguyên tắc về cung ứng dược phẩm	Công ty cổ phần Việt Nam PHARUSA	2.809.316.869	Năm 2024	Bắt đầu từ ngày 05/01/2024 (Hợp đồng không có thời hạn)	Hàng gia công đầu ra	Không có
5	69/2025/DNA/HĐ KT/OTC	Hợp đồng nguyên tắc về cung ứng dược phẩm	Công Ty TNHH Dược Phẩm AB	1.159.174.534	Năm 2025	02/01/2025 đến 31/12/2025	Hàng sản xuất và thương mại đầu ra	Không có
6	18/VTYTNA-MEDX/HĐNT/2025	Hợp đồng nguyên tắc về cung ứng dược phẩm	Công Ty TNHH Dược Phẩm MEDX	2.252.642.368	Năm 2025	03/01/2025 đến 31/12/2025	Hàng sản xuất và thương mại đầu ra	Không có
7	2487.41/HĐKT-TBV	Hợp đồng cung ứng thuốc	Bệnh viện đa khoa Thành phố Vinh	737.879.790	Năm 2025	07/07/2025 đến 30/06/2027	Hàng sản xuất và thương mại đầu ra	Không có
8	17/1446/R2/HĐKT/BVUB-DNA/GEN1/4.2025	Hợp đồng cung ứng thuốc	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	850.051.666	Năm 2025	15/4/2025 đến 15/4/2026	Hàng sản xuất và thương mại đầu ra	Không có
9	01/2025/CDPV-DNA	Hợp đồng kinh tế	Chi nhánh CTCP Dược phẩm Trung Ương Codupha Vinh	7.181.602.036	Năm 2025	02/01/2025 đến 31/12/2025	Hàng sản xuất và thương mại đầu vào	Không có
10	01/2025/HT-NA	Hợp đồng mua bán hàng hóa	CN Công ty CP Dược Hà Tĩnh tại Nghệ An	2.459.232.383	Năm 2025	05/03/2025 đến 31/12/2025	Hàng sản xuất và thương mại	Không có



TT	Số hợp đồng	Tên hợp đồng	Đối tác	Giá trị (đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	SP, DV đầu vào/ đầu ra	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty
11	07/2025/HĐKT	Hợp đồng kinh tế	Công ty TNHH Dược phẩm Đa phúc	5.944.245.439	Năm 2025	02/01/2025 đến 31/12/2025	Hàng sản xuất và thương mại đầu vào	Không có
12	12/2025/HĐKT	Hợp đồng kinh tế	Công ty CP Thương mại Dược phẩm Mỹ Anh	551.014.000	Năm 2025	14/01/2025 đến 31/12/2025	Hàng sản xuất và thương mại đầu vào	Không có
13	01/TVP-DNA	Hợp đồng mua bán và phân phối hàng hóa	CN Công ty CP Dược phẩm TV. Pharm tại Nghệ An	2.158.224.462	Năm 2025	05/03/2025 đến 31/12/2025	Hàng sản xuất và thương mại đầu vào	Không có
14	168/HĐKT/DNA-BUSAL	Hợp đồng mua bán thuốc chữa bệnh	Công ty CP 168 Busal Hàn Quốc	1.854.574.031	Năm 2025	02/01/2025 đến 31/12/2025	Hàng sản xuất và thương mại đầu vào	Không có
15	01/2025/HH-DNA	Hợp đồng kinh tế	Công ty TNHH Dược Huy Hoàng	1.518.197.080	Năm 2025	02/01/2025 đến 31/12/2025	Hàng sản xuất và thương mại đầu vào	Không có

Nguồn: CTCP Dược – Vật tư y tế Nghệ An

(Phần còn lại của trang này được để trống)

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 13: Các khách hàng lớn của Công ty

TT	Tên Khách hàng	SP, DV đầu ra	Giá trị đã cung cấp			Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty
			Giá trị/năm 2024 (đồng)	% Giá trị giao dịch/ Doanh thu thuần 2024	Giá trị/9T năm 2025 (đồng)	% Giá trị giao dịch/ Doanh thu thuần 9T/2025
1	Công ty TNHH Dược Phẩm Đa Phúc	Hàng sản xuất đầu ra	16.883.083.630	9,8%	10.522.390.944	9,68%
2	Công ty TNHH Thương Mại Nguyệt SALA	Hàng sản xuất đầu ra	2.095.041.040	1,2%	364.927.715	0,34%
3	Bệnh viện đa khoa Thành phố Vinh	Hàng sản xuất và thương mại đầu ra	2.625.117.808	1,5%	737.879.790	0,68%
4	Bệnh Viện ĐK Hữu Nghị Nghệ An	Hàng sản xuất và thương mại đầu ra	1.517.280.161	0,9%	-	-
5	Công Ty TNHH Dược Phẩm AB	Hàng sản xuất và thương mại đầu ra	1.769.232.312	1,0%	1.159.174.534	1,07%
6	Công Ty TNHH Dược Phẩm MEDX	Hàng sản xuất và thương mại đầu ra	1.415.514.319	0,8%	2.252.642.368	2,07%

Nguồn: CTCP Dược - Vật tư y tế Nghệ An



Bảng 14: Các nhà cung cấp lớn của Công ty

TT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm cung ứng	Năm 2023	% Giá trị giao dịch/ Tổng giá trị mua hàng năm 2023	Năm 2024	% Giá trị giao dịch/ Tổng giá trị mua hàng năm 2024	9 tháng 2025	% Giá trị giao dịch/ Tổng giá trị mua hàng 9T/2025	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty
1	Chi nhánh công ty cổ phần Dược phẩm trung ương Codupha Vinh	Salonship Gel-Patch, Cao dán, Bao 2 miếng (14 cm x 10 cm) (Hộp 10 bao x 2 miếng) k/30h; Salonpas, Cao dán, Bao 10 miếng (6.5 cm x 4.2 cm) (Hộp 24 bao x 10 miếng) k/50h; Nhập HH_ Salonpas 40 H/5h/4 túi/10 miếng T/60H; Morphin (Morphin hydroclorid 10ml/ml) - Vidipha (Việt Nam); Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml) - Vidipha - Việt Nam; Fenilham (Fentanyl 0,1mg/2ml Hộp 10 ốngx2ml - Siegfried Hameln GmbH - Đức)	8.189.587.478	5,43%	7.840.097.120	5,86%	7.181.602.036	7,95%	Không có
2	Chi nhánh công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh tại Nghệ An	Goltakmin H/50 vi*10v k/24h - Hà Tĩnh; Giám đầu TK3 H/10 v/10v - Hà Tĩnh; Mộc Hoa Trắng - HTK/90h*100v (HT)	5.025.622.025	3,33%			2.459.232.383	2,72%	Không có

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN



DNa PHARMA
(1) việc định giá tập hợp

TT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm cung ứng	Giá trị đã cung cấp			Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty	
			Năm 2023	% Giá trị giao dịch/ Tổng giá trị mua hàng năm 2023	Năm 2024	% Giá trị giao dịch/ Tổng giá trị mua hàng năm 2024	9 tháng 2025
3	Chi Nhánh Công Ty TNHH Dược Phẩm HISAMI TSU Việt Nam tại Hà Nội	Salonpas Gel, Thuốc bôi, Tuýp 30g (Hộp 1 tuýp x 30g) K/200 tuýp; Salonpas, Cao dán, Bao 10 miếng (6.5 cm x 4.2 cm) (Hộp 24 bao x 10 miếng) k/50h; Cao dán Salonpas 40 miếng (Hộp 5 hộp nhỏ x 4 bao x 10 miếng)	3.891.009.101	2,58%		0	Không có
4	Công ty TNHH Dược Phẩm Đa Phúc	Ampicilin 250mg K/40 Lọ/200 v - K/8000 Tw1; Alphachymotripsin - Mediplantex k/2000 Vi (H/50 vi; Cefuroxim 500mg K/164 H/2 vi/5 viên - Mebiphar	3.147.374.537	2,09%	6.347.402.518	5.944.245.439	6,58%
5	Công ty cổ phần thương mại dược phẩm Mỹ Anh	Cephalexin 500mg K/100H/100 viên ĐT - DMC; Ampicilin 500mg VNA K/100H/10 vi/10 viên ĐT - DMC; Amoxicilin 500mg K/100H/100VNA ĐT - DMC	2.992.294.800	1,98%		551.014.000	0,61%
6	CN Công ty cổ phần	Travicol Flu V/10 H/100 - Trà Vinh; Orenko 200mg (Cefixim 200mg) Alu -	2.959.066.427	1,96%	2.615.942.282	2.158.224.462	2,39%

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

TT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm cung ứng	Giá trị đã cung cấp				Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty		
			Năm 2023	% Giá trị giao dịch/ Tổng giá trị mua hàng năm 2023	Năm 2024	% Giá trị giao dịch/ Tổng giá trị mua hàng năm 2024		9 tháng 2025	% Giá trị giao dịch/ Tổng giá trị mua hàng 9T/2025
	được phẩm TV. Pharm tại Nghệ an	Trà Vinh v/10 H/20; Alphachymotrypsin 4.2 mg Alu K/5200 V/10 h/20 - Trà Vinh							
7	Công ty TNHH thương mại dược mỹ phẩm Thanh Bình	Soravar (Sorafenib (dưới dạng Sorafenib tosylate form II) 200mg) Hộp 6 vỉ x 10 viên - Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera - Việt Nam; Cefibiotic 2000 (Ceftizoxim 2g) - Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd - Việt Nam K/50H/10 lọ; Piperacillin (Piperacilin 4g) - Chi nhánh 3 - CTCP Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương - VN			3.799.443.898	2,84%	177.058.400	0,20%	Không có
8	CN Công ty cổ phần Dược DANAP HA tại Thanh Hoá	Telfadin (Fexofenadin hydroclorid 60mg) - Danapha - Việt Nam K/315H/1v/10v; Tadimax - Danapha - Việt Nam K/120 Hộp/1 lọ x 42 viên; Colitis Danapha - Danapha - Việt Nam K/192H/3 vỉ/10 viên			2.947.315.702	2,20%	910.889.600	1,01%	Không có



TT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm cung ứng	Năm 2023	% Giá trị giao dịch/ Tổng giá trị mua hàng năm 2023	Giá trị đã cung cấp Năm 2024	% Giá trị giao dịch/ Tổng giá trị mua hàng năm 2024	9 tháng 2025	% Giá trị giao dịch/ Tổng giá trị mua hàng 9T/2025	Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty
9	Công ty Cổ phần 168 Busal Hàn Quốc	Cephalexin 500 mg K/1000 vi - Hà Tây; Amoxicillin 500mg Vi / 10 viên K/ 10000 viên - Hà Tây; Ampiciline 500 mg vi/ 10 viên nang K/ 10000 viên- Hà Tây			2.864.674.444	2,14%	1.854.574.031	2,05%	Không có
10	Công ty TNHH Dược Huy Hoàng	Thecenamin 500mg (dài) T*40H*20 vi*10v - Thephaco - Việt Nam; Natri clorid 0,9% T*420 lọ*10ml - Thephaco- Việt Nam; Alverin 40mg K/120H/10v * 10 v- Thanh Hoá					1.518.197.080	1,68%	Không có
11	Công ty Cổ phần Dược phẩm VINACA RE	Comiaryl 2mg/500mg (Glimepirid 2mg+ metformin dạng muối 500mg) - Công ty TNHH Hasan-Dermapharm - Việt Nam Hộp 10 vi x 10 viên; Oremute 5 (Natri clorid 520mg + Kali clorid 300mg + Natri citrat dạng ngâm nước 580mg + Glucose khan 2.700mg + Kẽm 5mg) - Hasan-Dermapharm - Việt Nam					1.804.039.379	2,00%	Không có



TT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm cung ứng	Giá trị đã cung cấp				Mối quan hệ với Người nội bộ và Cổ đông lớn của Công ty
			Năm 2023	% Giá trị giao dịch/ Tổng giá trị mua hàng năm 2023	Năm 2024	% Giá trị giao dịch/ Tổng giá trị mua hàng năm 2024	
		H/50 gói x 4,148g; Bolabio (Saccharomyces boulardii 10^9 CFU) - CT TNHH LD HASAN-DERMAPHARM - Việt Nam Hộp 30 gói					

Nguồn: CTCP Dược - Vật tư y tế Nghệ An

(Phần còn lại của trang này được để trống)

10.7. Vị thế của Công ty trong ngành

❖ Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Mức độ cạnh tranh trên thị trường dược phẩm tại Việt Nam hiện nay ở mức cao, với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tuy nhiên, thị trường có sự phân hóa rõ rệt, trong đó các doanh nghiệp sở hữu nhà máy sản xuất đạt chuẩn quốc tế (như WHO-GMP), có quy mô lớn và mạng lưới khách hàng rộng khắp thường nắm giữ thị phần đáng kể trong ngành.

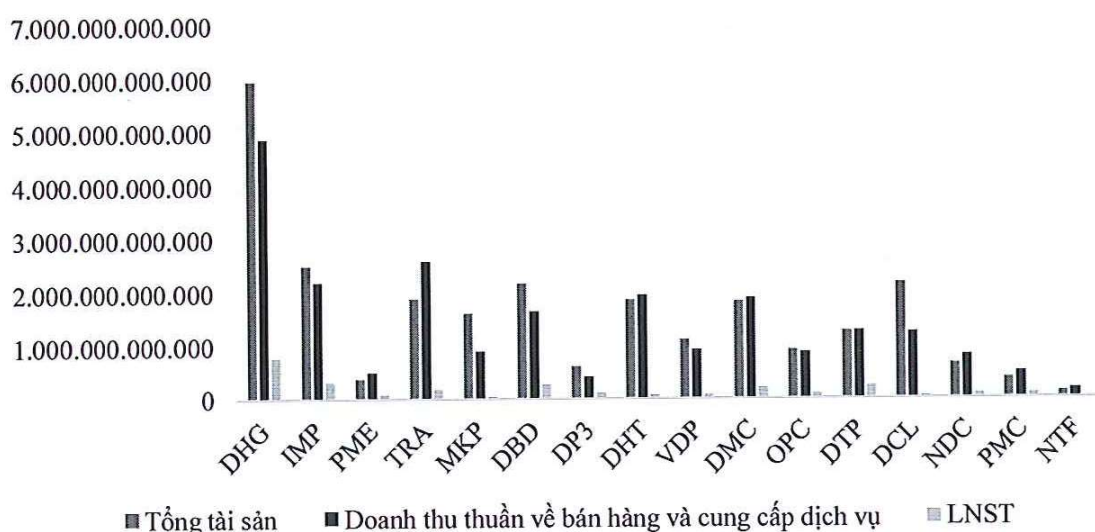
CTCP Dược - Vật tư y tế Nghệ An, với hơn 23 năm xây dựng và phát triển, đã không ngừng nỗ lực để khẳng định vị thế trên thị trường. Dưới sự lãnh đạo chiến lược của Ban điều hành và sự đoàn kết, sáng tạo của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã đạt được những bước tiến quan trọng, từng bước mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao năng lực sản xuất – kinh doanh.

Nhằm hướng tới mục tiêu cung cấp các sản phẩm thuốc chất lượng cao, an toàn và tiện lợi cho bệnh nhân cũng như cán bộ y tế, CTCP Dược - Vật tư y tế Nghệ An hiện đang đầu tư xây dựng Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất Dược phẩm Nghệ An với quy mô diện tích mặt đất sử dụng lên đến 48.571 m² và tổng mức đầu tư 315 tỷ đồng.

Về mạng lưới phân phối, Công ty tổ chức hệ thống kinh doanh thành 2 khu vực chính: Nội trong tỉnh Nghệ An và Hà Nội, được quản lý bởi 20 điểm phân phối trực thuộc gồm các chi nhánh tại Nghệ An và Hà Nội. Sản phẩm của Công ty hiện đã có mặt tại nhiều tỉnh, thành phố trên toàn quốc, góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân với những sản phẩm thuốc chất lượng cao, an toàn và tiện dụng.

Hình 5: Quy mô của các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm năm 2024

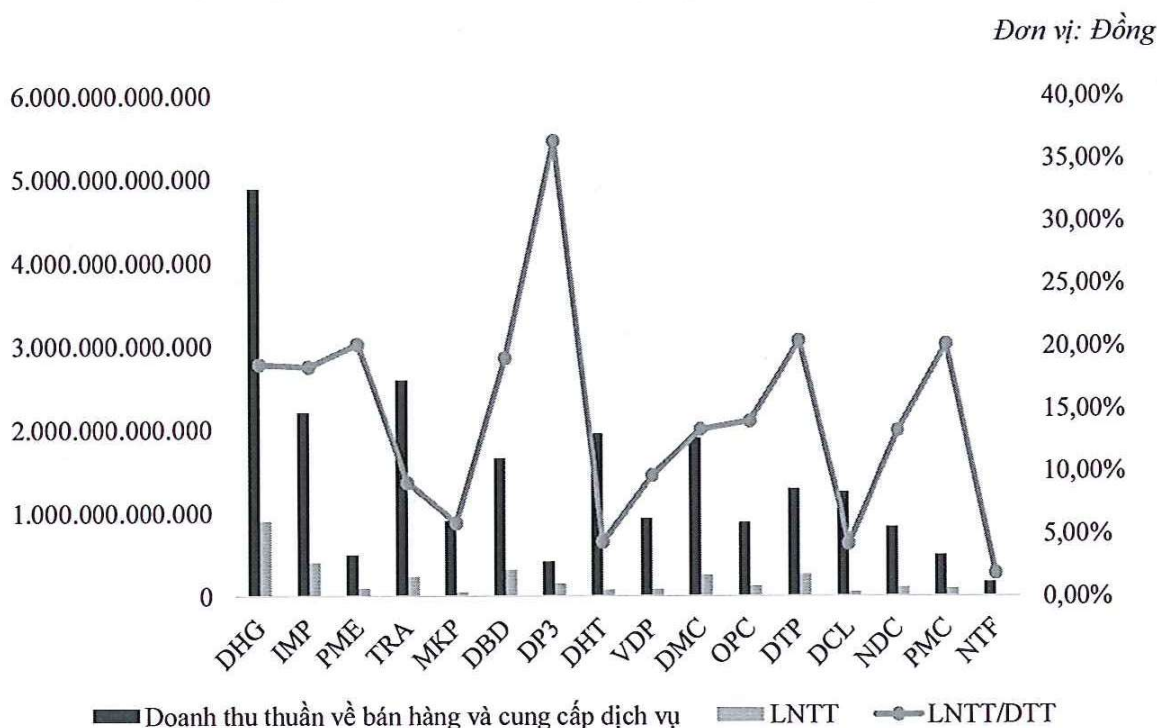
Đơn vị: Đồng



Nguồn: Tổng hợp từ BCTC năm 2024 đã được kiểm toán của các Công ty

Trong quá trình hoạt động, CTCP Dược - Vật tư y tế Nghệ An luôn chú trọng đa dạng hóa danh mục sản phẩm và dịch vụ, mở rộng mạng lưới hoạt động kinh doanh, đồng thời duy trì uy tín thương hiệu trên thị trường. Chính nhờ sự kiên định trong chiến lược phát triển và cam kết về chất lượng, Công ty luôn nhận được sự tin tưởng, ủng hộ từ phía khách hàng, đối tác và các đơn vị phân phối trên cả nước. Tính đến ngày 30/09/2025, tổng tài sản của Công ty đạt 132,56 tỷ đồng. Với quy mô hiện tại, CTCP Dược - Vật tư y tế Nghệ An được xếp vào nhóm các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm có quy mô nhỏ trong hệ thống các công ty Dược tại Việt Nam đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán.

Hình 6: Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm năm 2024



Nguồn: Tổng hợp từ BCTC năm 2024 đã được kiểm toán của các Công ty

❖ *Triển vọng phát triển của ngành*

Theo hãng nghiên cứu thị trường IMARC Group dự báo, thị trường dược phẩm Việt Nam đạt khoảng 7,44 tỷ USD vào năm 2024, và dự kiến tăng lên khoảng 14,07 tỷ USD vào năm 2033, với tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) khoảng 7,34% trong giai đoạn 2025–2033. Theo báo VnEconomy (ngày 5/4/2025), Tổng giá trị thị trường dược phẩm Việt Nam tăng từ 2,7 tỷ USD năm 2015 lên 7 tỷ USD năm 2025 và dự kiến đạt 10 tỷ USD vào năm 2026. Cả nước có hơn 238 nhà máy sản xuất thuốc đạt chuẩn WHO-GMP, 17 nhà máy sản xuất thuốc đạt chuẩn EU-GMP, trên 5.000 cơ sở bán buôn thuốc và trên 62.000 cơ sở bán lẻ.

Hiện tại, chỉ tiêu bình quân đầu người cho y tế tại Việt Nam còn thấp, trong tương lai, chỉ tiêu cho y

tế của người Việt Nam sẽ tăng cao, nguyên nhân chủ yếu có thể kể đến như sau:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu nhập quốc dân cao;
- Sự nâng cao ý thức của người dân vào việc bảo vệ sức khỏe;
- Tốc độ đô thị hóa cao, ô nhiễm môi trường và những thói quen ăn uống thiếu khoa học dẫn đến việc gia tăng bệnh tật trong dân cư.

Về Mục tiêu định hướng đến năm 2045 (theo quyết định số 270/QĐ-TTg Phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hóa dược đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045):

Phát triển ngành công nghiệp hóa dược, nâng dần tỷ lệ sản xuất và sử dụng nguyên liệu làm thuốc trong nước và thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm hóa dược, góp phần thực hiện các mục tiêu của Chiến lược phát triển ngành hóa chất Việt Nam, Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước và Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, với các mục tiêu cụ thể như sau:

Đến năm 2030:

- Phần đầu đạt 20% nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất thuốc; đáp ứng 50% nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm trong nước.
- Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu một số sản phẩm hóa dược thiên nhiên (dược chất, cao định lượng, tinh dầu giàu hoạt chất) $\geq 10\%/năm$.

Đến năm 2045:

- Công nghiệp hóa dược của Việt Nam trở thành ngành công nghiệp công nghệ cao, hiện đại, có sức cạnh tranh và tham gia vào chuỗi giá trị ngành dược phẩm toàn cầu.
- Tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp ngành hóa dược đạt 8 - 11%/năm.

Đây là các yếu tố thuận lợi để các doanh nghiệp dược Việt Nam phát triển và cạnh tranh với doanh nghiệp dược nước ngoài tại Việt Nam cũng như hàng nhập khẩu.

❖ *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới*

Theo đánh giá của Vietnam Report và các tổ chức nghiên cứu thị trường, dù ngành Dược Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức về sản xuất, công nghệ và nguồn cung nguyên liệu, nhưng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân tiếp tục tăng mạnh. Với quy mô dân số hơn 100 triệu người (năm 2025), cơ cấu dân số trẻ đang bước vào giai đoạn già hóa nhanh, thu nhập bình quân đầu người cải thiện, cùng với tình trạng ô nhiễm môi trường và ý thức bảo vệ sức khỏe ngày càng cao, ngành Dược được dự báo sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) khoảng 10–12% giai đoạn 2025–2030.

Việt Nam tiếp tục nằm trong top 20 thị trường dược phẩm có tốc độ tăng trưởng ổn định nhất thế giới. Cùng với sự tăng trưởng của toàn ngành, mức chi tiêu bình quân đầu người cho dược phẩm tại

Việt Nam đã tăng mạnh, ước đạt khoảng 85–90 USD/năm vào 2025 so với khoảng 56 USD năm 2020. Đây là cơ hội lớn cho toàn ngành dược phẩm, đồng thời mở ra nhiều tiềm năng phát triển cho Dược Nghệ An nói riêng trong việc mở rộng sản xuất, phân phối và đầu tư công nghệ.

Định hướng của Công ty năm 2025:

- + Đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng nhà máy sản xuất thuốc đông dược, tân dược, thực phẩm chức năng tại Dự án Nhà máy sản xuất dược phẩm Nghệ An thuộc Khu công nghiệp Bắc Vinh, tỉnh Nghệ An;
- + Đẩy mạnh tìm kiếm, phát triển nguồn nguyên liệu mới, hướng tới đa dạng hóa nguồn nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất dược phẩm;
- + Mở rộng hoạt động kinh doanh, thúc đẩy công tác phát triển thị trường, đặc biệt thị trường ngoại tỉnh đối với hàng Công ty sản xuất;
- + Chủ động kêu gọi và tạo điều kiện để các đối tác vào liên doanh sản xuất tại Nhà máy GMP;
- + Đổi mới cơ chế cung ứng hàng cho các chi nhánh, bằng mọi cách phải giữ vững và phát triển hệ thống bán lẻ tại chi nhánh.

Định hướng phát triển của Công ty được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của ngành, của nền kinh tế và đáp ứng được yêu cầu định hướng trong chính sách của Nhà nước.

10.8. Hoạt động Marketing

CTCP Dược - Vật tư y tế Nghệ An triển khai đa dạng các hoạt động marketing và truyền thông nhằm gia tăng độ nhận diện thương hiệu, hỗ trợ thúc đẩy doanh số bán hàng và củng cố niềm tin của khách hàng đối với các sản phẩm do Công ty cung cấp.

❖ *Triển khai hoạt động marketing nhãn hàng trên quy mô rộng*

Chiến lược marketing được Công ty xây dựng theo từng giai đoạn cụ thể đối với từng nhãn sản phẩm, tiêu biểu có thể kể đến như: Progermila, Nebusal, Mucome, Laforin, Aricamun,... Các chương trình marketing được triển khai đồng bộ trên nhiều kênh truyền thông đại chúng, kết hợp với việc đa dạng hóa hình thức truyền thông như:

- Truyền hình, truyền thanh;
- Digital marketing qua các nền tảng internet và mạng xã hội: Facebook, YouTube, Zalo marketing, ...;
- Quảng cáo ngoài trời: biển bảng, pano;
- Quảng cáo tại các tòa nhà, địa điểm công cộng, ...

❖ *Tăng cường hoạt động Trade Marketing*

Công ty đẩy mạnh hoạt động Trade Marketing, hướng đến trực tiếp người tiêu dùng, với các nội dung tiêu biểu như:

- Tổ chức thường xuyên các hoạt động trải nghiệm sản phẩm tại các chuỗi nhà thuốc, chi nhánh

của Công ty

- Mở rộng các điểm dán poster có thưởng cho các nhãn hàng
- Xây dựng và phát triển hệ thống Cộng tác viên Online, tiếp cận trực tiếp người tiêu dùng qua kênh bán hàng – trải nghiệm – marketing.
- Phát triển các kênh bán hàng và marketing trên các sàn thương mại điện tử như Tiki, Shopee.

Với phương châm “Vì cuộc sống đẹp hơn”, CTCP Dược - Vật tư y tế Nghệ An cam kết mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng cao, dịch vụ chuyên nghiệp và trải nghiệm hài lòng ở mức cao nhất.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

❖ Logo công ty

- Logo của Công ty được bảo hộ theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 492827, do Cục Sở hữu trí tuệ cấp ngày 23/05/2024.



❖ Nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp

Cho đến hiện tại, Công ty đã đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm của Công ty, như danh mục sau:

Bảng 15: Danh sách nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp Công ty đã được cấp bằng bảo hộ

STT	Nhãn hiệu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số văn bản	Quốc gia
1	DNA PHARMA	01/07/2011 27/11/2018 (ngày gia hạn)	Cục sở hữu trí tuệ	166843	Việt Nam
2	DNASTOMAT	29/06/2011 20/09/2019 (ngày gia hạn)	Cục sở hữu trí tuệ	166671	Việt Nam
3	NafluEXTRA	29/06/2011 20/09/2019 (ngày gia hạn)	Cục sở hữu trí tuệ	166670	Việt Nam
4	DNA-COLD	29/06/2011 20/09/2019 (ngày gia hạn)	Cục sở hữu trí tuệ	166672	Việt Nam
5	Chorlatcyn	10/12/2009 27/02/2018 (ngày gia hạn)	Cục sở hữu trí tuệ	138690	Việt Nam
6	MEDNASON	18/08/2020	Cục sở hữu trí tuệ	360156	Việt Nam
7	DNA PHARMA Vì cuộc sống khỏe đẹp	23/05/2024	Cục sở hữu trí tuệ	492827	Việt Nam

STT	Nhãn hiệu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số văn bản	Quốc gia
	hon				
8	MULTIDNA	07/05/2024	Cục sở hữu trí tuệ	498597	Việt Nam
9	ÔN ĐƯỜNG VƯƠNG	07/05/2024	Cục sở hữu trí tuệ	498598	Việt Nam
10	DNAosol	07/05/2024	Cục sở hữu trí tuệ	498599	Việt Nam
11	DNAMATON	07/05/2024	Cục sở hữu trí tuệ	498596	Việt Nam
12	PUXAIMOUNTAIN	23/05/2024	Cục sở hữu trí tuệ	492828	Việt Nam
13	LACISTDNA	11/06/2023	Cục sở hữu trí tuệ	465168	Việt Nam
14	ELATAC DNA	10/10/2023	Cục sở hữu trí tuệ	461589	Việt Nam
15	FESMOCYDNA	10/11/2023	Cục sở hữu trí tuệ	461666	Việt Nam
16	SUP-NAFOSMID	10/11/2023	Cục sở hữu trí tuệ	461680	Việt Nam
17	NADAWHITE	11/06/2023	Cục sở hữu trí tuệ	465245	Việt Nam
18	SABBATINI	11/06/2023	Cục sở hữu trí tuệ	465246	Việt Nam
19	KENNYMORE	11/06/2023	Cục sở hữu trí tuệ	465247	Việt Nam
20	SHINELAND	11/06/2023	Cục sở hữu trí tuệ	465164	Việt Nam
21	SHINELAKE	11/06/2023	Cục sở hữu trí tuệ	465165	Việt Nam
22	PROHONEY	11/06/2023	Cục sở hữu trí tuệ	465166	Việt Nam
23	HONEYPROLIST	11/06/2023	Cục sở hữu trí tuệ	465167	Việt Nam
24	DNALACID	06/11/2024	Cục sở hữu trí tuệ	495502	Việt Nam

Nguồn: CTCP Dược - Vật tư y tế Nghệ An

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

➤ Nhân sự phòng nghiên cứu phát triển

Bảng 16: Danh sách nhân sự phòng nghiên cứu phát triển tại thời điểm 30/09/2025

STT	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	SỐ LƯỢNG
1	Thạc sỹ	2
2	Dược sỹ đại học	4
3	Dược sỹ trung cấp	1

Nguồn: CTCP Dược - Vật tư y tế Nghệ An

➤ Chính sách nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới trong các năm 2023, 2024 và 9 tháng năm 2025.

Công ty chủ yếu tập trung duy trì, cải tiến các sản phẩm hiện tại cho Nhà máy GMP-WHO tân dược. Việc phát triển sản phẩm mới đối với sản phẩm thuốc trong thời gian qua chủ yếu tập trung chủ động nghiên cứu và hợp tác với các đối tác để phát triển các sản phẩm Thực phẩm chức năng làm nền tảng